

Số: 578/ĐA-UEF

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2023

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: **Kinh tế số**; Mã số: **7310109**

Trình độ đào tạo: **Đại học - Chính quy**

Kính gửi: - Hội đồng trường, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Thông tin về ngành đăng ký đào tạo

- Ngành đào tạo : **Kinh tế số**
- Mã ngành : 7310109
- Hệ đào tạo : Chính quy
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ
- Thời gian đào tạo : 04 năm
- Năm dự kiến mở : 2023
- Dự kiến chỉ tiêu tuyển hàng năm: 60 chỉ tiêu/ năm
- Đơn vị quản lý đào tạo: Khoa Kinh tế

2. Giới thiệu chung về Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (UEF) được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 1272/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ. UEF theo đuổi mục tiêu là sẽ trở thành một trong những trường đại học hàng đầu Việt Nam, có uy tín trong khu vực, là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội với giá trị cốt lõi Xuất sắc – Sáng tạo – Hội nhập – Phát triển và gắn liền với triết lý giáo dục “Giáo dục toàn diện – Học tập suốt đời”

Với mục tiêu nhất quán, UEF hướng tới tiêu chuẩn giáo dục đại học kết hợp tinh hoa giáo dục đại học Quốc tế cùng chuyển biến kinh tế trong bối cảnh hội nhập, đào tạo chuyên sâu về Kinh tế, tài chính đáp ứng nhu cầu chất lượng nguồn nhân lực ngày càng cao của xã hội.

Trụ sở đào tạo tọa lạc tại số 141 - 145 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM. Với vị trí thuận lợi ở khu vực trung tâm thành phố, hệ thống học tập tiện nghi, phòng học được thiết kế khoa học và được trang bị các thiết bị dạy, học hiện đại như máy lạnh, máy chiếu, hệ thống mạng wireless, hệ thống âm thanh, ánh sáng phù hợp giúp việc dạy và học đạt hiệu quả cao.

Trung tâm Thư viện của Trường có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, bao gồm nguồn tài liệu giấy và đặc biệt là nguồn tài liệu điện tử. Số đầu sách tại Trung tâm Thư viện luôn đảm bảo yêu cầu cho các chuyên ngành đào tạo. Nguồn tài liệu được chọn lọc kỹ về nội dung theo yêu cầu của giảng viên và sinh viên, đảm bảo tính mới, bao quát nội dung chương trình đào tạo, đáp ứng đủ cho sinh viên tất cả các ngành đang theo học tại UEF.

Ngoài ra, UEF đang triển khai dự án tại Khu Nam Sài Gòn có diện tích 5.5 ha với chiến lược xây dựng thành khu học xá phức hợp hiện đại tại Tp.HCM. Bên cạnh đó, UEF có những mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục và trường đại học trên thế giới. Trường đã thiết lập được quan hệ và liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài như Đại học Gloucestershire - UoG (Vương quốc Anh), Đại học Leeds Trinity - LTU (Vương quốc Anh), Đại học Bangkok - BU (Thái Lan), Đại học Keuka - KC (Hoa Kỳ). Qua những mối quan hệ hợp tác đó, nhiều giảng viên cũng hưởng được học bổng và sang thực tập tại trường bạn.

Xác định hướng đi mang tầm chiến lược kết hợp cùng thành quả UEF đạt được hơn 16 năm qua, phần nào đã đưa thương hiệu đào tạo của nhà trường đứng vững trong phân khúc đào tạo nhân lực chuẩn quốc tế tại Việt Nam, mang đến sự tin tưởng tuyệt đối trong lòng thí sinh và phụ huynh cả nước. Đội ngũ cán bộ khoa học có tâm huyết và uy tín khoa học cao đã và đang tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng các chương trình giảng dạy tiên tiến, kết hợp với nội dung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.1. Tổ chức bộ máy của Trường

Ban lãnh đạo gồm: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu

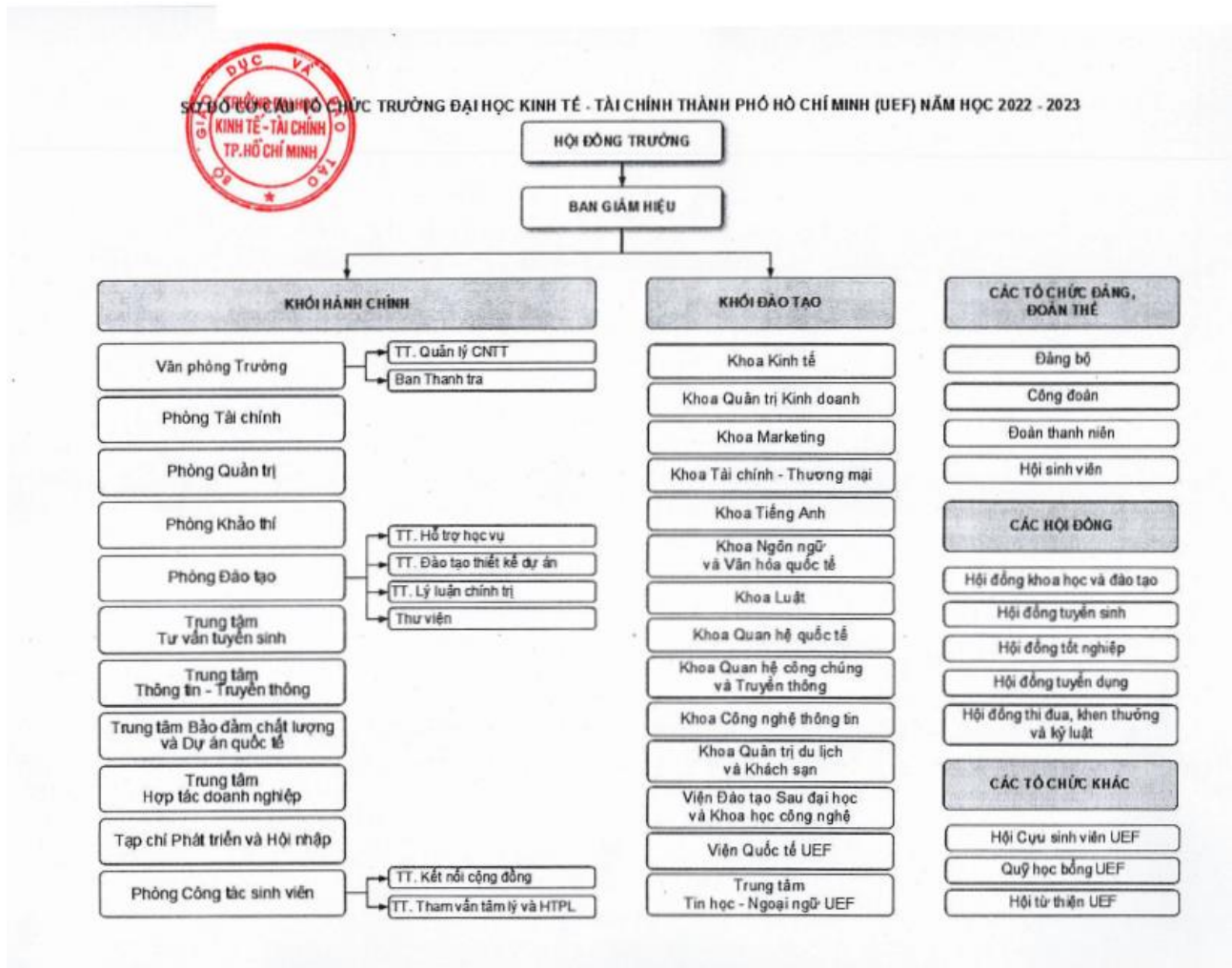
Về khối hành chính có 14 đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng Trường (đơn vị trực thuộc: Trung tâm Quản lý Công nghệ thông tin, Ban thanh tra).
- Phòng Tài chính
- Phòng Quản trị
- Phòng Khảo thí
- Phòng Đào tạo (đơn vị trực thuộc: Trung tâm Hỗ trợ học vụ, Trung tâm Đào tạo và thiết kế dự án, Trung tâm Lý luận Chính trị, Thư viện)
- Trung tâm Bảo đảm chất lượng và Dự án quốc tế
- Trung tâm văn tuyển sinh
- Trung tâm Hướng nghiệp và Tuyển sinh UEF

- Trung tâm Thông tin - Truyền thông
- Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp
- Tạp chí Phát triển và Hội nhập
- Phòng Công tác sinh viên (đơn vị trực thuộc: Trung tâm Kết nối cộng đồng)
- Viện Tây Ban Nha và Mỹ La Tinh UEF.
- Viện Văn hóa – Nghệ thuật UEF.

Về Khối đào tạo có 14 đơn vị trực thuộc, cụ thể:

- Khoa Kinh tế
- Khoa Quản trị kinh doanh
- Khoa Marketing
- Khoa Tài chính - Thương mại
- Khoa Tiếng Anh
- Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa quốc tế
- Khoa Luật
- Khoa Quan hệ quốc tế
- Khoa Quan hệ công chúng và Truyền thông
- Khoa Công nghệ thông tin
- Khoa Quản trị Du lịch và Khách sạn
- Viện Đào tạo sau đại học và Khoa học công nghệ
- Viện Quốc tế UEF
- Trung tâm Tin học - Ngoại ngữ UEF
- Các tổ chức chính trị xã hội gồm có: Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các Hội đồng và một số các tổ chức khác.



Hình 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức trường Đại học Kinh tế - Tài chính thành phố Hồ Chí Minh năm học 2023-2024

2.2. Công tác đào tạo của trường

Sự thành công của công tác đào tạo tại UEF nhờ những điểm nhấn quan trọng như sau:

- Chương trình tiên tiến, giáo trình hiện đại, nội dung cập nhật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong xu thế hội nhập toàn cầu.
- Lớp học nhỏ, hầu hết khoảng 40 sinh viên, riêng lớp tiếng Anh khoảng 20 sinh viên. Phòng học trang bị hiện đại, dễ dàng thay đổi linh hoạt theo từng phương pháp giảng dạy. Đây là điều kiện tiên quyết đảm bảo hiệu quả của các phương pháp giảng dạy tích cực, là điều kiện thuận tiện để giảng viên nắm chắc trình độ của từng sinh viên, hướng đến việc cá nhân hóa quá trình đào tạo.
- Đội ngũ giảng viên ưu tú, được chọn lọc theo các chuẩn mực: tâm huyết, giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm thực tế, nhuần nhuyễn trong phương pháp, thân thiện và gần gũi với sinh viên.

- Các phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng trong tất cả các môn học, giúp phát triển mạnh mẽ khả năng tư duy độc lập và sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, đồng thời qua đó hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng.

- Giảng dạy theo hướng truyền đạt tinh hoa, nhấn mạnh phương pháp tương tác, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề cùng các kỹ thuật hỗ trợ như làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình, v.v... chính là những nét đặc trưng của các lớp học tại UEF.

- Giáo dục kỹ năng là một trong những trọng tâm đào tạo của UEF, với mong muốn đào tạo ra những sinh viên có khả năng đáp ứng đòi hỏi cao của thị trường lao động hiện nay. Bên cạnh việc đào tạo các kiến thức chuyên môn, Nhà trường cũng chú trọng vào việc đào tạo các kỹ năng cứng được chú trọng trong các môn học chuyên môn. Kỹ năng mềm được đưa vào chương trình huấn luyện chính khóa, ngoại khóa, đồng thời sinh viên có cơ hội vận dụng và rèn luyện trong tất cả các môn học khác cũng như trong các hoạt động ngoài lớp học.

- Anh ngữ: Sinh viên được xếp lớp học theo trình độ ngay từ lúc trúng tuyển vào trường, Nhà trường thực hiện giảng dạy các chương trình đào tạo song ngữ, việc giảng dạy tiếng anh được thực hiện bởi các giảng viên nước ngoài và giảng viên có nhiều kinh nghiệm, đảm bảo khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng sử dụng tiếng Anh khá thông thạo trong giao tiếp nghề nghiệp, có thể làm việc trong môi trường quốc tế.

- Hệ thống thông tin và truyền thông:

Thư viện hiện đại với sự kết hợp giữa hai loại hình: truyền thống và điện tử. Đặc biệt, UEF đẩy mạnh hướng phát triển thư viện điện tử, số đầu sách phong phú, liên thông với thư viện của nhiều trường đại học, các cơ sở dữ liệu lớn ở trong và ngoài nước. Thông qua internet, người sử dụng có thể truy cập tài liệu thư viện vào bất cứ lúc nào, từ bất cứ nơi đâu.

Internet wifi hoạt động 24/7 tại tất cả các cơ sở của trường, phục vụ tốt nhất cho việc học tập và giảng dạy, nhất là theo phương pháp mới.

Phần mềm quản lý riêng có của UEF không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý, đáp ứng nhu cầu đào tạo theo học chế tín chỉ, mà còn là môi trường giao tiếp thuận tiện, kể cả giữa Nhà trường với phụ huynh, giữa phụ huynh với sinh viên thông qua việc theo dõi tiến độ và kết quả học tập trên internet.

- Gắn kết lý thuyết và thực tiễn thông qua hai quá trình:

Quá trình đưa thực tế vào môi trường đào tạo được thực hiện trên cơ sở mời chọn những giảng viên giàu kinh nghiệm thực tế, những nhà quản lý giỏi và có khả năng sự phạm tham gia giảng dạy cho trường, những doanh nhân thành đạt chia sẻ kinh nghiệm cùng sinh viên. Bên cạnh đó, giảng dạy theo tình huống là phương pháp quan trọng để giúp sinh viên tiếp cận thực tế trong bài học.

Quá trình dẫn dắt sinh viên tiếp cận thực tế, được thực hiện trên cơ sở:

- Thực hành chuyên môn qua các đợt khảo sát thực tế và viết tiểu luận, làm dự án gắn kết nội dung từng môn học.

- Tổ chức hoạt động định hướng nghề nghiệp cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm và biến kiến thức thành quy trình, thành hoạt động thực tế.

- Kiến tập ở năm thứ ba là cơ hội để sinh viên được tiếp cận nghề nghiệp và làm quen với những công việc sẽ đảm nhiệm trong tương lai.

- Thực tập tốt nghiệp ở cuối năm thứ tư là sự trải nghiệm toàn diện về việc làm như là một nhân viên thực thụ ở nơi thực tập. Sinh viên sẽ học cách vận dụng kiến thức vào thực tiễn, thực hành và rèn luyện kỹ năng, trau dồi thái độ hành xử...

- Nét nổi bật là có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với nhiều doanh nghiệp đối tác lớn, có uy tín để thực hiện hai quá trình nêu trên.

- Các trình độ đào tạo hiện nay:

- Đại học: 4 năm
- Thạc sĩ: 2 năm
- Tiến sĩ: 3 - 4 năm

2.3. Các ngành nghề đào tạo

Hiện nay, UEF đang đào tạo 35 ngành học thuộc hệ Đại học chính quy, cụ thể là:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
1.	Bất động sản	7340116	
2.	Công nghệ tài chính	7340208	
3.	Công nghệ thông tin	7480201	
4.	Công nghệ truyền thông	7320106	
5.	Kế toán	7340301	
6.	Khoa học dữ liệu	7480109	
7.	Kiểm toán	7340302	
8.	Kinh doanh quốc tế	7340120	
9.	Kinh doanh thương mại	7340121	
10.	Kinh tế quốc tế	7310106	

TT	Tên ngành	Mã ngành	Ghi chú
11.	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
12.	Luật	7380101	
13.	Luật kinh tế	7380107	
14.	Luật quốc tế	7380108	
15.	Marketing	7340115	
16.	Ngôn ngữ Anh	7220201	
17.	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	
18.	Ngôn ngữ Nhật	7220209	
19.	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	
20.	Quan hệ công chúng	7320108	
21.	Quan hệ quốc tế	7310206	
22.	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	
23.	Quản trị khách sạn	7810201	
24.	Quản trị kinh doanh	7340101	
25.	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống	7810202	
26.	Quản trị nhân lực	7340404	
27.	Quản trị sự kiện	7340412	
28.	Quảng cáo	7320110	
29.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	
30.	Tài chính quốc tế	7340206	
31.	Tâm lý học	7310401	
32.	Thiết kế đồ họa	7210403	
33.	Thương mại điện tử	7340122	
34.	Truyền thông đa phương tiện	7320104	
35.	Digital Marketing	7340114	

Đối với hệ Sau đại học, trường đang đào tạo trình độ thạc sĩ với 05 ngành: Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán; Luật Kinh tế và Ngôn ngữ Anh; trình độ tiến sĩ với 01 ngành: Quản trị kinh doanh. Số lượng sinh viên hiện nay như sau:

- Cao học : 610
- Đại học chính quy : 11923

Trường đã hoàn thành xây dựng mục tiêu đào tạo chung cho các ngành theo tiêu chuẩn quốc gia. Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường đã xem xét, ban hành chương trình đào tạo cho tất cả các ngành đào tạo (phù hợp theo chương trình khung của Bộ Giáo Dục và Đào tạo).

II. SỰ CẦN THIẾT VỀ VIỆC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan về nhu cầu và tình hình đào tạo ngành kinh tế số trình độ đại học

1.1. Tầm quan trọng của ngành Kinh tế số

1.1.1. Cơ sở pháp lý

Con người và các vấn đề xoay quanh chủ thể này là đề tài nghiên cứu quan trọng nhất của các nhà khoa học từ trước đến nay bởi con người chính là trung tâm của vũ trụ, là chủ nhân và cũng chính là người thụ hưởng những thành tựu khoa học vĩ đại của nhân loại. Cùng với những tiến bộ vượt bậc về khoa học kỹ thuật, nhu cầu về giáo dục là rất cần thiết trong bối cảnh nhân loại muốn chinh phục, khám phá những cột mốc mới. Trước xu thế đó, ngày 04/11/2013, Nghị quyết số 29-NQ/TW đã được được Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) của Đảng ta thông qua với rất nhiều nội dung quan trọng, trong đó, nhấn mạnh vai trò của giáo dục, coi “*Giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân*” và “*Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết*” [6]. Theo định hướng phát triển nền giáo dục của Đảng, công cuộc đổi mới giáo dục ở các bậc học, đặc biệt là giáo dục đại học – được chú trọng với các giải pháp đồng bộ và thiết thực để đáp ứng xu thế chung của cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra trên toàn thế giới.

Năm 2018, Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục Đại học quy định nội dung quan trọng về điều kiện để mở ngành đào tạo các trình độ, trong đó có trình độ đại học là “*Ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước, của từng lĩnh vực bảo đảm hội nhập quốc tế*” [11]; qua đó đã nhấn mạnh vai trò của việc mở ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu và thực tiễn của xã hội, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Điều này có ý nghĩa cấp thiết đối với việc đào tạo

các ngành mũi nhọn, các ngành đòi hỏi nhu cầu nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực có trình độ cao để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế.

Trong bối cảnh diễn ra cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ngày 03 tháng 6 năm 2020, Chính phủ ban hành Quyết định số 746/QĐ-TTg về việc phê duyệt “*Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”, trong đó Việt Nam đặt mục tiêu thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử. Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu [13]. Để thực hiện mục tiêu này, nhu cầu về đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực thuộc khối ngành kinh tế và công nghệ nói chung, ngành kinh tế số nói riêng của các cơ quan Quản lý nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp là rất lớn.

Trên thế giới, thuật ngữ Kinh tế số (Digital economy) lần đầu tiên được sử dụng vào năm 1990 và hiện nay đã trở nên rất phổ biến với cách hiểu đơn giản nhất là các công nghệ điện toán được áp dụng vào các hoạt động kinh tế. Cụ thể hơn thì thuật ngữ này “*mô tả cách các hoạt động kinh tế truyền thống (sản xuất, phân phối, thương mại) được chuyển đổi bởi internet và các công nghệ liên quan đến chuỗi cung ứng* [3].... Theo Mesenbourg (2001), ba thành phần của khái niệm kinh tế số gồm có 1) Cơ sở hạ tầng kinh doanh điện tử (phần cứng, phần mềm, viễn thông, mạng, vốn nhân lực...), 2) Kinh doanh điện tử (cách thức kinh doanh được tiến hành, bất kỳ quy trình nào mà một tổ chức tiến hành qua mạng qua trung gian máy tính), và 3) Thương mại điện tử (chuyển giao hàng hóa, ví dụ như khi bán sách trực tuyến) [8].

Ở Việt Nam nói riêng và trên toàn thế giới nói chung, hiện nay, cùng với việc đa số người tiêu dùng kết nối tài khoản ngân hàng với các sàn thương mại điện tử, các hoạt động giao dịch kinh tế qua kênh internet, qua kênh điện thoại di động, qua kênh QR ngày càng tăng. Điều đó cho thấy việc áp dụng công nghệ số trong kinh tế đã và đang phát triển mạnh mẽ, từ đó đặt ra yêu cầu về nguồn nhân lực trong lĩnh vực này. Đây mạnh đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế số là phù hợp với xu hướng phát triển của thời đại, với nhu cầu xã hội, và với đường lối phát triển mà Đảng đã đề ra về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII “*Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài... chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới*” [5].

Năm 2022, trong khuôn khổ đề án “Nâng cao nhận thức, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Bộ Thông tin – Truyền thông đã đặt mục tiêu đào tạo 1000 chuyên gia chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa bàn để làm lực lượng nòng cốt chuyển đổi số trên toàn quốc; 100,00% các trường đại học số phải hoàn thiện được mô hình tổ chức số, quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở và được đầu tư trang bị đồng bộ hạ tầng, nền tảng công nghệ, trang thiết bị học và thực hành, sẵn sàng tuyển sinh và đào tạo nguồn nhân lực chuyển đổi số. Mục tiêu đến năm 2025 phân đầu 100,00% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước hằng năm được tham gia tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số. 100% cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin hằng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về công nghệ số. Đồng thời, đào tạo được hơn 5000 kỹ sư, cử nhân, thực hành chất lượng cao chuyên ngành công nghệ số tại các trường đại học, cao đẳng có thể mạnh trong đào tạo chuyển đổi số [14].

1.1.2. Cơ sở thực tiễn

Thứ nhất, chuyển đổi số trong các lĩnh vực là xu thế tất yếu trong thời đại ngày nay và kinh tế cũng không ngoại lệ. Những lợi ích đối với việc chuyển đổi số trong một tổ chức kinh tế là vô cùng rõ ràng. Berger và Frey (2017) đã nghiên cứu và khẳng định chuyển đổi kỹ thuật số đã tác động đến xã hội ở nhiều cấp độ khác nhau nhưng chủ yếu là ở cấp độ kinh tế. Việc tự động hóa các hoạt động kinh doanh khác nhau như tăng sản lượng, giảm chi phí và nâng cao khuôn khổ hoạt động đã mang lại lợi ích bền vững to lớn cho doanh nghiệp. Nền kinh tế kỹ thuật số cũng đã mang đến những cơ hội mới cho các doanh nghiệp và thị trường việc làm. Phạm vi rộng lớn và đa dạng của các dịch vụ mà nền kinh tế kỹ thuật số cung cấp đã tạo ra nhiều việc làm mới, tác động đến cả thị trường kinh doanh và việc làm. Nền kinh tế kỹ thuật số sử dụng một lượng lớn dữ liệu và thông tin cho khuôn khổ hoạt động của mình, giúp cung cấp các dịch vụ công tương tự như y tế và giáo dục một cách hiệu quả hơn. Nền kinh tế kỹ thuật số bền vững cũng đã tác động đến các cơ chế quản trị xã hội bằng cách nâng cao chất lượng tương tác giữa chính phủ và người dân [1].

Trên phạm vi toàn thế giới, theo số liệu thống kê vào năm 2016, nền kinh tế kỹ thuật số chiếm 11,5 nghìn tỷ USD (tương đương 15,5% GDP toàn cầu (trong đó đạt trung bình 18,4% GDP ở các nền kinh tế phát triển và 10% ở các nền kinh tế đang phát triển) [17]. Từ đó đến nay, tỷ lệ này đã có sự gia tăng đáng kể. Tuy nhiên ở Việt Nam, tỷ trọng kinh tế số

tính trên GDP của cả nước năm 2021 là 11,91% và năm 2022 là 14,26% [7, tr. 24]. Điều này cho thấy kinh tế số ở Việt Nam vẫn chưa theo kịp xu hướng chung của thế giới và chắc chắn cần có sự đầu tư thích hợp trong thời gian tới.

Thứ hai, xuất phát từ xu hướng chọn ngành nghề của giới trẻ. Chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở thích và có cơ hội tìm kiếm việc làm ổn định sau khi ra trường là mục tiêu của giới trẻ cũng như đa số các bậc phụ huynh. Lựa chọn đúng ngành nghề phù hợp với bản thân sẽ là cơ hội cho sự phát triển nên nó có tính chất quyết định đến sự thành công trong sự nghiệp của mỗi người. Báo cáo nghiên cứu thể Hệ trẻ Việt Nam do Hội đồng Anh chủ trì cho biết chỉ có 67% người tham gia khảo sát (1.200 người) cho biết họ hài lòng hoặc hài lòng một phần với công việc hiện tại của mình [2, Tr. 39]. Cũng trong nghiên cứu này cũng chỉ ra top 10 ngành người trẻ Việt Nam mong muốn được làm việc thì khối các ngành liên quan đến kinh tế và kỹ thuật chiếm vị trí thứ 1 và thứ 5 [2, Tr. 41]. Điều đó cho thấy giới trẻ có xu hướng lựa chọn nghề nghiệp thuộc các lĩnh vực có liên quan đến kinh tế kỹ thuật số bởi đây là nhóm ngành nghề có tính chất năng động, cập nhật – rất phù hợp với những người trẻ tuổi, thế hệ gen Z. Như vậy, xu hướng lựa chọn ngành nghề của giới trẻ là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của Việt Nam và thế giới đối với hoạt động chuyển đổi số trong thời gian sắp tới.

Việc phân tích nhu cầu nguồn nhân lực các ngành đào tạo, trong đó có ngành Kinh tế số với yêu cầu về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là cơ sở để Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM xây dựng chương trình đào tạo cũng như các nội dung liên quan khác theo quy định để mở ngành đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học.

1.2. Đánh giá nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực ngành Kinh tế số trình độ đại học

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê công bố, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) quý III/2023 ước tính tăng 5.33% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù chỉ cao hơn tốc độ tăng của cùng kỳ các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023 [8] nhưng với xu hướng tích cực (quý I tăng 3.28%, quý II tăng 4.05%, quý III tăng 5.33%). GDP 9 tháng năm 2023 tăng 4.24% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2.19% và 1.57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023¹. Tính chung 9 tháng năm 2023, cả nước có 116.3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1086.8 nghìn

¹ Tốc độ tăng GDP 9 tháng các năm 2011-2023 so với cùng kỳ năm trước lần lượt là: 6.2%; 5.34%; 5.26%; 6.11%; 6.85%; 6,4%; 6.49%; 7.35%; 7.3%; 2.19%; 1.57%; 8,85%; 4.24%.

tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 748,9 nghìn lao động, tăng 3.1% về số doanh nghiệp so với cùng kỳ năm trước [15]. Tuy nhiên, do ảnh hưởng chung của nền kinh tế thế giới, hầu hết các tổ chức quốc tế đều dự báo tăng trưởng năm 2023 sẽ có sự giảm sút so với trước [9]. Do đó, việc đặt ra mục tiêu về đẩy mạnh chuyển đổi số (trong đó quan trọng là chuyển đổi số nền kinh tế) để đảm bảo ổn định tăng trưởng kinh tế, an sinh xã hội là vấn đề được Chính phủ sát sao chỉ đạo thực hiện.

Cũng theo dự báo của Trung tâm Dự báo nhân lực và thông tin thị trường lao động TP. HCM, nhu cầu nhân lực của TP. HCM trong 6 tháng cuối năm 2023 tiếp tục tập trung ở chín ngành dịch vụ chủ yếu, trong đó ngành Thương mại chiếm tỷ lệ cao nhất trong khối các ngành dịch vụ chủ yếu (18.41%) và ngành Điện tử - Công nghệ thông tin chiếm tỷ lệ cao nhất của khối các ngành công nghiệp trọng yếu (7.20%) của thị trường lao động [16]. Để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực các ngành nghề nói chung và khối ngành về kinh tế - kỹ thuật nói riêng trong quá trình hội nhập quốc tế, TP. HCM đã và đang tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đây là đường lối đúng đắn của Thành phố để tăng lợi thế cạnh tranh, đẩy nhanh tốc độ phát triển, hội nhập và thu hút đầu tư ở thành phố năng động, phát triển kinh tế dẫn đầu cả nước.

Người học, sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học có khả năng làm việc ở nhiều vị trí công việc khác nhau. Trước hết là các vị trí công việc trong lĩnh vực kinh tế chung ở các doanh nghiệp, ngân hàng, tổ chức và cơ quan, ban ngành. Đặc biệt sinh viên tốt nghiệp ngành này có khả năng tổ chức hoạt động kinh doanh trên nền tảng số và các kỹ năng dẫn dắt để chuyển đổi số cho các tổ chức, doanh nghiệp, có khả năng tư vấn, phân tích, thiết kế, xây dựng và triển khai các giải pháp, hoạch định chiến lược phát triển lĩnh vực doanh nghiệp số, số hóa doanh nghiệp, tài chính số và kinh doanh số. Cụ thể các vị trí việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ngành này như sau:

- Chuyên gia tư vấn, triển khai các giải pháp số hóa doanh nghiệp.
- Chuyên gia lập dự án và lập kế hoạch về chuyển đổi số, an toàn và bảo mật thông tin kinh tế.
- Chuyên gia quản lý thương mại, kinh doanh, phân phối trực tuyến, thương mại điện tử, tiếp thị số, truyền thông số.

- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy tại các trung tâm, viện nghiên cứu, trường đại học, sở ban ngành có lĩnh vực hoạt động về chuyển đổi số, kinh tế số, kinh doanh số, thương mại điện tử.

- Khởi nghiệp thông qua các dự án, doanh nghiệp số.

Những phân tích trên cho thấy, nhu cầu về đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học là cấp thiết. Người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số sẽ có rất nhiều cơ hội để phát triển nghề nghiệp cũng như cơ hội học tập nâng cao trình độ.

1.3. Thực trạng đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam giai đoạn trước năm 2020, chỉ một số ít trường đại học có đào tạo nhân lực phục vụ nền kinh tế số và công cuộc chuyển đổi số quốc gia. Nguồn nhân lực của ngành nghề này chủ yếu đến từ các khối ngành kinh tế hoặc công nghệ thông tin nên việc phải đào tạo thêm sau khi được tuyển dụng là tình trạng khá phổ biến ở các đơn vị tuyển dụng hiện nay. Nắm bắt được nhu cầu ngày càng tăng của thị trường lao động về nguồn nhân lực trong lĩnh vực Kinh tế số trong những năm gần đây, một số cơ sở giáo dục đại học đã bắt đầu đào tạo ngành này như:

- *Ở khu vực miền Bắc:* Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên, Đại học Đại Nam, Học viện Chính sách và Phát triển, Trường Đại học Thủy lợi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân...

- *Ở khu vực miền Trung:* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An, Trường Kinh tế - Trường Đại học Vinh...

- *Ở khu vực miền Nam:* Trường Đại học Nam Cần Thơ...

Đây đều là những cơ sở giáo dục uy tín, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội. Tuy nhiên, nếu phân bổ theo vùng, thì hiện nay khu vực phía Nam có rất ít cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành học này. Trong khi đó, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung và TP. HCM nói riêng là trung tâm kinh tế - thương mại – dịch vụ lớn nhất của cả nước. Do đó, đây là cơ hội rất lớn để Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM triển khai đào tạo ngành học này.

Với sứ mạng của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM là “*đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu; xây dựng môi trường*

tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo; phát triển năng lực làm việc thực tế, tính chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng” [17], việc triển khai đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học là góp phần thực hiện sứ mạng của Trường cũng như đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho TP. HCM nói riêng và cả nước nói chung.

2. Kết quả khảo sát nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực tốt nghiệp ngành kinh tế số trình độ đại học

2.1. Cách thức tổ chức nghiên cứu

Nhằm tìm hiểu rõ hơn về nhu cầu của nhà tuyển dụng trong đối với nguồn nhân lực tốt nghiệp ngành Kinh tế số trình độ đại học, nhóm nghiên cứu đã tham khảo ý kiến nhà tuyển dụng với các nội dung về năng lực của người học mà nhà tuyển dụng mong muốn. Việc khảo sát chủ yếu được thực hiện trên Google Form với nội dung triển khai cụ thể như sau:

Nội dung khảo sát: Thông tin cá nhân và đơn vị sử dụng lao động; vai trò nguồn nhân lực ngành Kinh tế số trình độ đại học; nhu cầu tuyển dụng nhân sự ngành Kinh tế số trình độ đại học của đơn vị; xác định các yếu tố cần thiết để tổ chức đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học; khả năng giới thiệu người thân lựa chọn Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM là nơi đăng ký học tập ngành Kinh tế số trình độ đại học; yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp, những lưu ý mà Trường cần quan tâm khi tổ chức đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học và những ý kiến đóng góp, đánh giá tính phù hợp cho chương trình đào tạo này.

Link khảo sát: <https://forms.gle/385wnPE6rUZMsflW7>

Xử lý kết quả khảo sát: Nhóm nghiên cứu sử dụng các công cụ Excel để xử lý dữ liệu. Trong đó, các thông tin định lượng được xử lý theo tỉ lệ phần trăm, điểm trung bình, độ lệch chuẩn. Các thông tin định tính được xử lý theo phương pháp phân tích nội dung.

Đối với các câu hỏi đánh giá mức độ cần thiết, quan trọng của nội dung câu hỏi, chúng tôi thiết kế thang đo với 5 mức: Thấp nhất là mức 1 và cao nhất là mức 5; **giá trị khoảng cách thang đo** = $(5-1)/5=0.8$; tương ứng với thang điểm trung bình (ĐTB) như sau:

- Mức 1: **Rất không quan trọng/cần thiết** tương ứng **ĐTB từ 1.0 đến cận 1.8**;
- Mức 2: **Không quan trọng/cần thiết** tương ứng **ĐTB từ 1.8 đến cận 2.6**;

- Mức 3: ***Khá quan trọng/cần thiết*** tương ứng ***ĐTB từ 2.6 đến cận 3.4***;
- Mức 4: ***Quan trọng/ Cần thiết*** tương ứng ***ĐTB từ 3.4 đến cận 4.2***;
- Mức 5: ***Rất quan trọng/cần thiết*** tương ứng ***ĐTB từ 4.2 đến 5.0***.

2.2. Kết quả khảo sát nhà tuyển dụng về nhu cầu nguồn nhân lực ngành Kinh tế số trình độ đại học

2.2.1. Đối tượng khảo sát

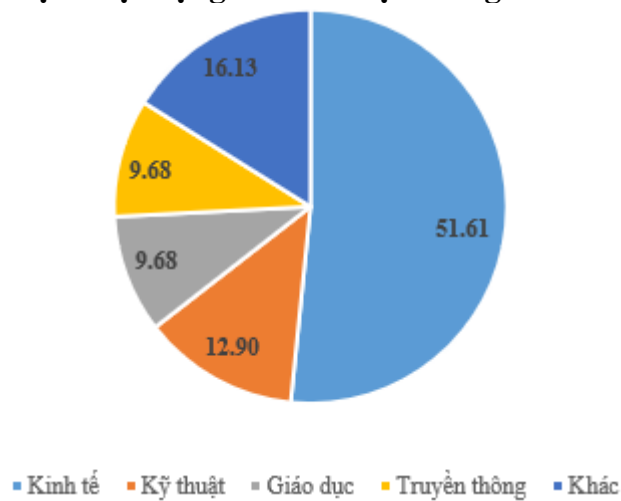
Nhóm nghiên cứu đã triển khai khảo sát 31 cá nhân đại diện của các đơn vị sử dụng lao động sau:

Bảng 1. Đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát

TT	Tên đơn vị
1.	Học viện Chuyển đổi số Việt Nam
2.	Công ty Cổ phần tập đoàn Bất động sản Meeyland
3.	Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng - STC
4.	Hiệp hội Doanh nghiệp Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam; Công ty Cổ phần Giải pháp Quản lý SSG
5.	Công ty TNHH Vận chuyển Thương mại Biển Xanh (Blue Sea Transportation)
6.	Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải Logistic AA
7.	VTI Academy - VTI Group
8.	MyXteam
9.	Công ty TNHH Sinokor Vietnam
10.	Công ty CP Bất động sản Golden Land
11.	Công ty CP Nhanh.vn tại HCM
12.	Cheil Worldwide
13.	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)
14.	Hãng phần cứng máy tính
15.	KBI Group
16.	Công ty TNHH TM DV VT Giao nhận Bình Minh Express
17.	Công ty TNHH TM DV A Good
18.	Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo Duy An
19.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển DV Truyền Thông Bin
20.	Công ty CP Truyền Thông và Đầu Tư Nam Hương
21.	Công ty CP Truyền thông Du Lịch Việt
22.	TEKY Academy

TT	Tên đơn vị
23.	Công ty TNHH Giáo dục và Dịch thuật IFK
24.	Mai House Saigon Hotel
25.	Công ty TNHH Du Lịch Việt
26.	Công ty TNHH Esuhai
27.	Công ty CP Kinh doanh đầu tư BĐS diamond land
28.	ROYAL School
29.	Công ty CP Winway Việt Nam
30.	Công ty TNHH Voltrans Logistics
31.	Ngân hàng TMCP Đông Á

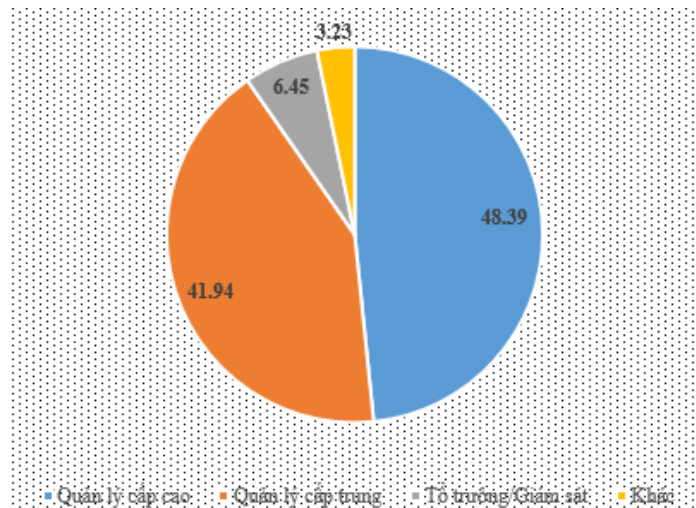
Biểu đồ 1. Lĩnh vực hoạt động của đơn vị tham gia khảo sát (Đơn vị: %)



Nhóm nghiên cứu đã lựa chọn khảo sát chủ yếu là những đơn vị đang hoạt động có liên quan đến các lĩnh vực như kinh tế, kỹ thuật, giáo dục, truyền thông và một số lĩnh vực khác. Kết quả khảo sát cho thấy, chiếm tỷ lệ lớn nhất là các đơn vị đang hoạt động trong lĩnh vực “*Kinh tế*” với **51.61%**, kế tiếp là một số lĩnh vực “*khác*” với **16.13%**, lĩnh vực “*Kỹ thuật*” với **12.90%** và có tỷ lệ thấp nhất trong các nhóm lĩnh vực hoạt động của đơn vị tham gia khảo sát là lĩnh vực “*giáo dục*” và “*truyền thông*” cùng chiếm tỷ lệ **9.68%**.

Sự đa dạng về cỡ mẫu nhưng có định hướng tập trung vào lĩnh vực kinh tế và công nghệ giúp cho Trường có được góc nhìn đa chiều nhưng cũng chuyên sâu vào nội dung cần khảo sát.

Biểu đồ 2. Vị trí công việc của các cá nhân tham gia khảo sát (Đơn vị: %)

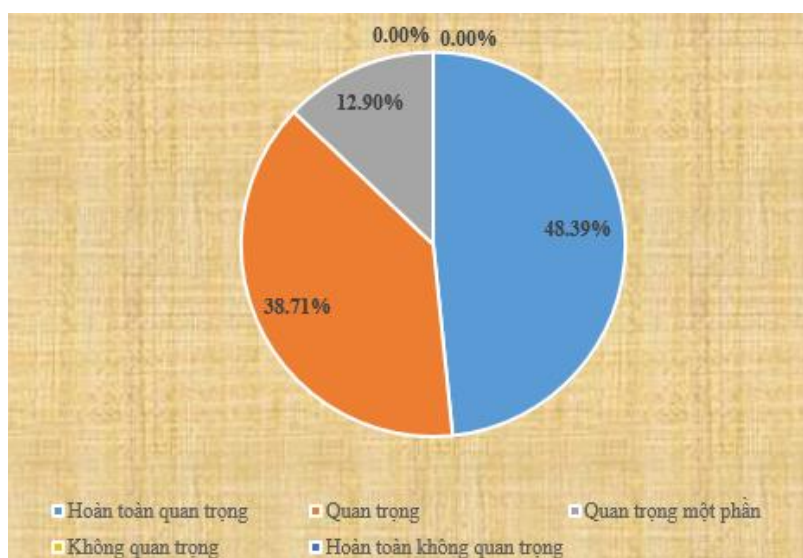


Kết quả khảo sát trên cho thấy, các cá nhân đại diện đơn vị tham gia khảo sát chiếm tỷ lệ cao nhất là “*Quản lý cấp cao (giám đốc, phó giám đốc)*” với **48.39%**, tiếp theo là vị trí “*Quản lý cấp trung*” với tỷ lệ **41.94%**. Với việc đại diện đơn vị tập trung ở nhóm quản lý từ cấp trung trở lên và chiếm **90.00%** ý kiến khảo sát sẽ cung cấp các thông tin, ý kiến xác đáng về chuyên môn cũng như nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Kinh tế số trình độ đại học mà Trường đang quan tâm tìm hiểu.

2.2.2. Kết quả khảo sát về tầm quan trọng của nguồn nhân lực ngành Kinh tế số trình độ đại học

Nhóm nghiên cứu tiến hành tìm hiểu tầm quan trọng của nguồn nhân lực ngành Kinh tế số trình độ đại học từ nhà tuyển dụng. Đây là cơ sở quan trọng để tổ chức đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của xã hội và nhu cầu học tập của người học. Kết quả cụ thể như sau:

Biểu đồ 3. Đánh giá về tầm quan trọng của nguồn nhân lực ngành Kinh tế số trình độ đại học (Đơn vị: %)



Kết quả khảo sát cho thấy doanh nghiệp đánh giá cao tầm quan trọng của nguồn nhân lực ngành Kinh tế số trình độ đại học. Cụ thể, mức độ “*hoàn toàn quan trọng*” chiếm tỷ lệ **48.39%**, mức độ “*quan trọng*” đạt **38.71%** và mức độ “*quan trọng một phần*” đạt **12.90%**. Mức độ “*không quan trọng*” và “*hoàn toàn không quan trọng*” đều có tỷ lệ là **0.00%**.

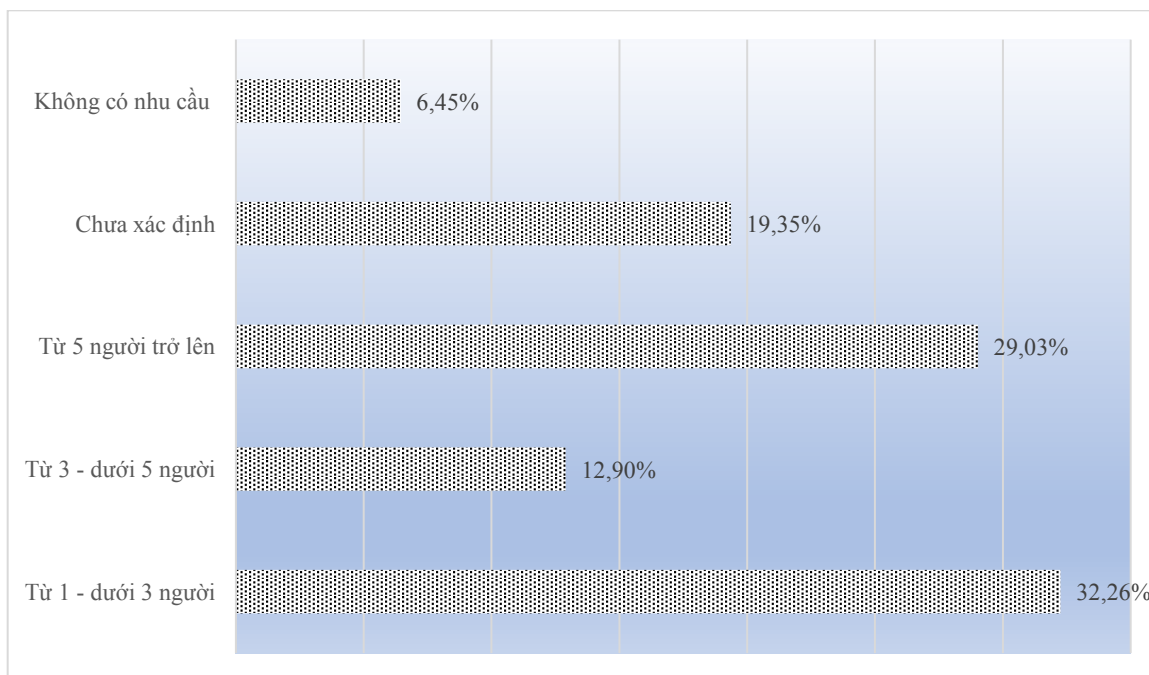
Nhóm nghiên cứu cũng tiến hành thông kê kết quả khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng, trong đó ông Nguyễn Trọng, quản lý cấp cao thuộc Công ty Cổ phần Truyền thông và Đầu tư Nam Hương cho biết “*Với sự phát triển của khoa học và công nghệ như hiện nay thì ngành Kinh tế số sẽ là một trong những ngành góp phần vào sự phát triển của doanh nghiệp trong tương lai. Do vậy việc UEF mở ngành Kinh tế số hoàn toàn phù hợp với xu thế và là bước đi đúng đắn nhằm góp phần vào sự phát triển chung của toàn xã hội...*”.

Như vậy, trong thời kỳ phát triển đất nước và hội nhập quốc tế, trong bối cảnh bùng nổ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, vai trò nguồn nhân lực ngành Kinh tế số trình độ đại học được các đơn vị sử dụng lao động đánh giá là quan trọng.

2.2.3. Kết quả khảo sát nhu cầu tuyển dụng nhân sự ngành Kinh tế số trình độ đại học của các đơn vị sử dụng lao động

Để tìm hiểu về nhu cầu của thị trường lao động về nguồn nhân lực được đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học, việc thực hiện khảo sát nhu cầu, số lượng nhân sự cần tuyển dụng của các đơn vị sử dụng lao động là cần thiết. Kết quả khảo sát được thể hiện qua sơ đồ sau:

Biểu đồ 4. Nhu cầu tuyển dụng nhân sự ngành Kinh tế số trình độ đại học của các đơn vị sử dụng lao động (Đơn vị: %)

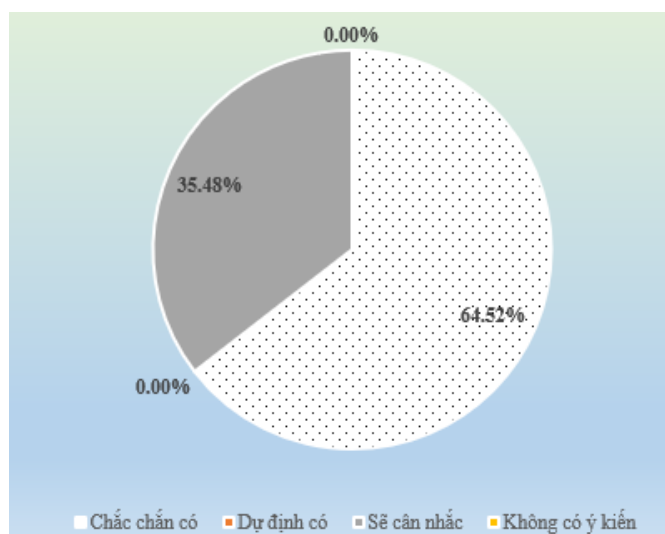


Biểu đồ trên cho thấy, tỷ lệ các đơn vị sử dụng lao động tham gia khảo sát đang có nhu cầu tuyển dụng nhân sự ngành Kinh tế số trình độ đại học là khá cao, với **32.26%** nhà tuyển dụng có nhu cầu tuyển “từ 1 – dưới 3 người” mỗi năm, tiếp theo là nhu cầu tuyển “từ 5 người trở lên” chiếm **29.03%**. Ngoài ra còn một số doanh nghiệp không có nhu cầu hoặc chưa xác định có nhu cầu tuyển dụng. Qua đó cho thấy, việc đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học là cần thiết để kịp thời cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

2.2.4. Kết quả khảo sát về sự lựa chọn UEF là nơi để học ngành Kinh tế số trình độ đại học

Nhằm tìm hiểu đánh giá của đơn vị sử dụng lao động về việc giới thiệu người thân, đồng nghiệp tham gia học ngành Kinh tế số trình độ đại học được tổ chức tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát và thu được kết quả như sau:

Biểu đồ 5. Đánh giá về sự lựa chọn UEF là nơi để học ngành Kinh tế số trình độ đại học (Đơn vị: %)

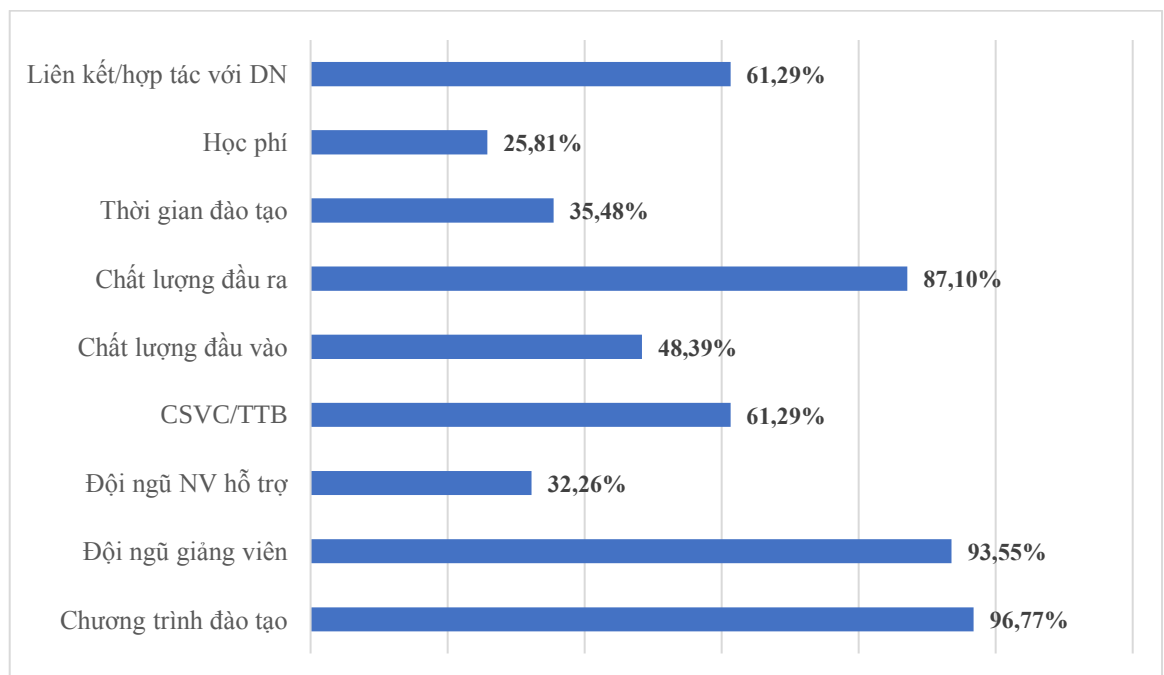


Kết quả khảo sát cho thấy, đơn vị sử dụng lao động đánh giá cao UEF và cho biết “*chắc chắn*” sẽ chọn UEF là nơi để học hoặc giới thiệu người học ngành Kinh tế số trình độ đại học (chiếm tỷ lệ **64.52%**) và phương án “*sẽ cân nhắc*” chiếm tỷ lệ **35.48%**. Hai phương án “*dự định có*” và “*không có ý kiến*” đều không được lựa chọn. Điều này cho thấy nhà tuyển dụng đánh giá cao công tác đào tạo và tin tưởng chọn lựa Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM để học tập và giới thiệu cho người quen học tập. Điều này một lần nữa khẳng định chất lượng đào tạo của sinh viên tốt nghiệp từ UEF trên thị trường cung ứng nguồn lao động.

2.2.5. Kết quả khảo sát về các điều kiện tổ chức đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học

Nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập những ý kiến, đóng góp của đơn vị sử dụng lao động về những yếu tố cần chú trọng khi thực hiện đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học. Đây là cơ sở dữ liệu hữu ích góp phần hỗ trợ cho công tác chuẩn bị đào tạo một cách tốt nhất, kết quả được ghi nhận như sau:

Biểu đồ 6. Đánh giá về các yếu tố cần chú trọng trong việc tổ chức đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học (Đơn vị: %)



Kết quả khảo sát cho thấy, có nhiều yếu tố mà Trường cần chú trọng đầu tư để tổ chức đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học một cách có hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đối với sinh viên tốt nghiệp.

Theo đó, vấn đề về “*chương trình đào tạo*” được đánh giá là yếu tố cần chú trọng nhất với tỷ lệ **96.77%**. Tiếp theo là “*đội ngũ giảng viên*” với tỷ lệ **93.55%** và “*chất lượng đầu ra*” với tỷ lệ **87.10%** Các yếu tố về “*liên kết với doanh nghiệp, thời gian đào tạo, cơ sở vật chất, học phí và đội ngũ hỗ trợ, cán bộ nhân viên, chất lượng đầu vào*” đạt tỷ lệ dao động trong khoảng **25.81% - 61.29%**.

Qua đó cho thấy, nhà tuyển dụng rất quan tâm đến chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên và chất lượng đầu ra vì đây là những yếu tố quyết định chất lượng của nguồn nhân lực tốt nghiệp. Đánh giá của nhà tuyển dụng cho các vấn đề này là cơ sở quan trọng giúp Trường có định hướng phù hợp trong việc xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học trong thời gian tới.

2.2.6. Kết quả khảo sát các yêu cầu cần đạt về kiến thức của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số trình độ đại học

Để tìm hiểu yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đối với kiến thức của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số trình độ đại học, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát vấn đề này và kết quả thu được như sau:

Bảng 2. Các yêu cầu cần đạt về kiến thức của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số trình độ đại học (Đơn vị: %)

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và kinh tế	67.74%
2	Kiến thức nền tảng về kinh tế số, thống kê ứng dụng và công nghệ thông tin nhằm giải quyết các vấn đề về chuyển đổi số, kinh doanh số tại các doanh nghiệp và tổ chức	100.00%
3	Kiến thức về Marketing số, an toàn và bảo mật dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông trong nền kinh tế số	87.10%
4	Kiến thức về thiết kế, vận hành và khai thác các công cụ trên nền tảng web để phát triển kinh doanh	67.74%
5	Khác...	0.00%

Kết quả xử lý số liệu cho thấy nhà tuyển dụng mong muốn với các kiến thức đã học được ở trình độ đại học, người học sau khi ra trường có “*Kiến thức nền tảng về kinh tế số, thống kê ứng dụng và công nghệ thông tin nhằm giải quyết các vấn đề về chuyển đổi số, kinh doanh số tại các doanh nghiệp và tổ chức*” (chiếm tỷ lệ lựa chọn phản hồi cao nhất, đạt **100.00%**), “*Kiến thức về Marketing số, an toàn và bảo mật dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông trong nền kinh tế số*” (chiếm tỷ lệ cao thứ hai với **87.10%**) và “*Kiến thức về thiết kế, vận hành và khai thác các công cụ trên nền tảng web để phát triển kinh doanh*” và “*Kiến*

thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và kinh tế” cùng đạt tỷ lệ lựa chọn phản hồi cao thứ ba với **67.74%**.

Các kiến thức và yêu cầu kiến thức của nhà tuyển dụng hoàn toàn phù hợp với Khung trình độ Quốc gia bậc 6, là những nội dung mà Trường cần lưu ý khi xây dựng chương trình đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học.

2.2.7. Kết quả khảo sát các yêu cầu cần đạt về kỹ năng của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số trình độ đại học

Để tìm hiểu yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đối với kỹ năng của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số trình độ đại học, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát vấn đề này và kết quả thu được như sau:

Bảng 3. Các yêu cầu cần đạt về kỹ năng của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số trình độ đại học (Đơn vị: %)

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Kỹ năng phân tích, đánh giá tác động của sự phát triển công nghệ số đến hoạt động các doanh nghiệp và tổ chức	77.42
2	Kỹ năng thiết kế kế hoạch kinh doanh số, phân tích dữ liệu, ứng dụng kỹ thuật số vào hoạt động kinh doanh, marketing, tài chính, kế toán, vận hành, nhân sự	93.55
3	Kỹ năng nhận diện các cơ hội kinh doanh, phát triển các mô hình kinh doanh số và thiết lập các dự án khởi nghiệp liên quan đến kinh tế số	100.00
4	Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh số, trình bày kế hoạch kinh doanh và đàm phán các vấn đề liên quan đến kinh doanh số, chuyển đổi số	100.00
5	Kỹ năng nhận diện vấn đề, thu thập thông tin, xử lý thông tin và giải quyết vấn đề trong môi trường kinh doanh số	74.19
6	Kỹ năng giao tiếp, giao tiếp bằng tiếng Anh và làm việc trong môi trường toàn cầu	67.74
7	Khác	0.00

Kết quả xử lý số liệu cho thấy nhà tuyển dụng mong muốn với các kỹ năng đã học được ở trình độ đại học, người học sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế số có khả năng “*Kỹ năng nhận diện các cơ hội kinh doanh, phát triển các mô hình kinh doanh số và thiết lập các dự án khởi nghiệp liên quan đến kinh tế số*” và “*Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh số, trình bày kế*

hoạch kinh doanh và đánh giá các vấn đề liên quan đến kinh doanh số, chuyển đổi số” (cùng đạt tỷ lệ phản hồi cao nhất với **100.00%**). Tiếp theo là kỹ năng “*Thiết kế kế hoạch kinh doanh số, phân tích dữ liệu, ứng dụng kỹ thuật số vào hoạt động kinh doanh, marketing, tài chính, kế toán, vận hành, nhân sự*” với tỷ lệ phản hồi đạt **93.55%**. Các nội dung khác dao động từ **67.74% - 77.42%**.

Như vậy, nhóm các kỹ năng nhà tuyển dụng cần có từ một sinh viên vừa tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học chủ yếu tập trung vào các kỹ năng về lập kế hoạch, thiết kế dự án kinh doanh, phân tích dữ liệu... Điều này cho thấy kì vọng của nhà tuyển dụng đối với người học là rất cao, sinh viên phải vừa có kỹ năng về kinh tế vừa có các kỹ năng về công nghệ, ứng dụng kỹ thuật số vào quá trình làm việc. Đây là vấn đề cần được UEF lưu ý trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo.

2.2.8. Kết quả khảo sát các yêu cầu cần đạt về mức tự chủ và trách nhiệm của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số trình độ đại học

Để tìm hiểu yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động đối với mức độ cần đáp ứng về mức tự chủ và trách nhiệm của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số trình độ đại học, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát vấn đề này và kết quả thu được như sau:

Bảng 4. Các yêu cầu cần đạt về mức tự chủ và trách nhiệm của người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số trình độ đại học (Đơn vị: %)

TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)
1	Có khả năng làm việc độc lập, phối hợp nhóm hiệu quả	90.32
2	Có khả năng tự học tập và nghiên cứu suốt đời	80.65
3	Có khả năng thích ứng nhanh chóng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh và thành tựu khoa học công nghệ mới	96.77
4	Tuân thủ quy định pháp luật, trách nhiệm công dân và các quy định đạo đức nghề nghiệp	83.87
5	Có trách nhiệm với công việc chuyên môn và tham gia đóng góp, hỗ trợ cộng đồng nhằm mục tiêu phát triển bền vững	87.10
6	Khác	0.00

Kết quả xử lý số liệu cho thấy nhà tuyển dụng mong muốn với mức tự chủ và trách nhiệm đã học được ở trình độ đại học, người học sau khi ra trường “*Có khả năng thích ứng nhanh chóng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh và thành tựu khoa học công nghệ mới*” (đạt tỷ lệ phản hồi cao nhất với **96.77%**), “*Có khả năng làm việc độc lập, phối hợp nhóm hiệu quả*” đạt tỷ lệ phản hồi cao thứ hai với **90.32%**. Các nội dung khác về khả năng làm việc độc lập, phối hợp nhóm, khả năng học tập suốt đời, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hỗ trợ cộng đồng nhằm mục tiêu phát triển bền vững... có tỷ lệ lựa chọn phản hồi dao động từ **80.65% - 87.10%**.

2.2.9. Những ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng đối với việc đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học tại Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM

Nhóm nghiên cứu thu thập thêm các ý kiến, đóng góp khác của nhà tuyển dụng, từ đó có cái nhìn tổng quát hơn trong việc đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học, cụ thể như sau:

- Tăng cường học phần sử dụng các nền tảng số, các nền tảng trí tuệ nhân tạo.
- Chương trình đào tạo cần định hình được các vị trí mà sinh viên tốt nghiệp ngành này có thể đảm nhận tốt.

3. Kết luận

- Việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học là rất cần thiết, đáp ứng nhu cầu của xã hội và thị trường lao động.
- Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM có đủ các nguồn lực và điều kiện để mở ngành và tổ chức đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học.
- Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo cần nghiên cứu kết quả khảo sát, tiếp thu ý kiến đóng góp từ các đối tượng khảo sát để hoàn thiện chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học.

III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế số có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, kinh doanh số, triển khai chiến lược kinh doanh số và có năng lực hoạch định, tổ chức thực thi các dự án chuyển đổi số trong các tổ chức và khả năng khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế số.

Đào tạo cử nhân Kinh tế số có kiến thức nền tảng rộng và sâu về kinh tế số và kinh doanh số tương thích với môi trường thể chế quốc gia và quốc tế; có khả năng thích nghi với xu thế hội nhập quốc tế và sự phát triển của các ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh và quản lý; đáp ứng các yêu cầu về trình độ và kỹ năng của thị trường lao động quốc tế; có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng và có nền tảng kiến thức vững chắc để tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

Cử nhân ngành Kinh tế số được đào tạo trên cả 3 phương diện: Kiến thức – Kỹ năng – Thái độ. Cụ thể như sau:

Về kiến thức:

- **PO1:** Kiến thức nền tảng rộng và sâu về kinh tế số và kinh doanh số tương thích với môi trường thể chế quốc gia;
- **PO2:** Kiến thức ứng dụng công nghệ và bảo mật dữ liệu trong kinh doanh số và vận hành kinh tế số;

Về kỹ năng:

- **PO3:** Giao tiếp, ứng xử linh hoạt bằng ngoại ngữ trong đội nhóm kinh doanh ở nhiều bối cảnh đa dạng về văn hóa;
- **PO4:** Thiết lập, triển khai và kiểm soát kế hoạch kinh doanh có áp dụng chuyển đổi số;

Về thái độ:

- **PO5:** Có phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp, đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, có sức khỏe tốt;
- **PO6:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng.

1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

- *Về Kiến thức:*

- **PLO1:** Nhận biết, giải thích và vận dụng tốt chính sách, pháp luật của nhà nước để giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực kinh tế số;
- **PLO2:** Diễn giải một cách có hệ thống các kiến thức kinh tế số, thông kê ứng dụng và công nghệ thông tin nhằm giải quyết các vấn đề về chuyển đổi số, kinh doanh số tại các doanh nghiệp và tổ chức;
- **PLO3:** Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế các kiến thức Marketing số, an toàn và bảo mật dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông trong nền kinh tế số;
- **PLO4:** Mô tả và thiết kế kế hoạch kinh doanh số; hiểu và áp dụng được các kỹ thuật số vào hoạt động Marketing, tài chính, kế toán, vận hành, nhân sự;

- *Về Kỹ năng:*

- **PLO5:** Áp dụng linh hoạt kỹ năng ngoại ngữ và giao tiếp liên văn hóa trong môi trường kinh doanh toàn cầu;
- **PLO6:** Thực hành kỹ năng nhận dạng vấn đề, thu thập thông tin, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong môi trường kinh doanh số;

- **PLO7:** Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, phối hợp làm việc nhóm; vận dụng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn khi làm việc nhóm;
 - **PLO8:** Thiết lập và trình bày kế hoạch kinh doanh, đàm phán các vấn đề liên quan đến kinh doanh số, chuyển đổi số;
- *Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:*
- **PLO9:** Xây dựng phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, có sức khỏe tốt phù hợp với ngành và chuyên ngành;
 - **PLO10:** Thiết lập tinh thần tự học tập, cầu tiến và nghiên cứu suốt đời, thích ứng nhanh chóng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh và thành tựu khoa học công nghệ mới;
 - **PLO11:** Xây dựng khả năng điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, tham gia đóng góp, hỗ trợ cộng đồng nhằm mục tiêu phát triển bền vững;
 - **PLO12:** Thiết lập ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp nghiệp, làm việc khoa học.

Bảng 5. Chuẩn đầu ra đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO1: Nhận biết, giải thích và vận dụng tốt chính sách, pháp luật của nhà nước để giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực kinh tế số	K2	3.0
PLO2: Diễn giải một cách có hệ thống các kiến thức kinh tế số, thống kê ứng dụng và công nghệ thông tin nhằm giải quyết các vấn đề về chuyển đổi số, kinh doanh số tại các doanh nghiệp và tổ chức	K1, K3	3.0
PLO3: Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế các kiến thức Marketing số, an toàn và bảo mật dữ liệu, mạng máy tính và truyền thông trong nền kinh tế số	K4, K5,	4.0
PLO4: Mô tả và thiết kế kế hoạch kinh doanh số; hiểu và áp dụng được các kỹ thuật số vào hoạt động Marketing, tài chính, kế toán, vận hành, nhân sự	K4	4.0
PLO5: Áp dụng linh hoạt kỹ năng ngoại ngữ và giao tiếp liên văn hóa trong môi trường kinh doanh toàn cầu	S6	4.0

Chuẩn đầu ra (PLOs)	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
PLO6: Thực hành kỹ năng nhận dạng vấn đề, thu thập thông tin, xử lý thông tin để giải quyết vấn đề trong môi trường kinh doanh số	S1, S2	5.0
PLO7: Vận dụng kỹ năng làm việc độc lập, phối hợp làm việc nhóm; vận dụng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn khi làm việc nhóm	S5	4.0
PLO8: Thiết lập và trình bày kế hoạch kinh doanh, đàm phán các vấn đề liên quan đến kinh doanh số, chuyển đổi số	S3, S5	4.0
PLO9: Xây dựng phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, có sức khỏe tốt phù hợp với ngành và chuyên ngành	C1	4.0
PLO10: Thiết lập tinh thần tự học tập, cầu tiến và nghiên cứu suốt đời, thích ứng nhanh chóng với các thay đổi trong môi trường kinh doanh và thành tựu khoa học công nghệ mới	C3	4.0
PLO11: Xây dựng khả năng điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, tham gia đóng góp, hỗ trợ cộng đồng nhằm mục tiêu phát triển bền vững	C2, C4	4.0
PLO12: Thiết lập ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp nghiệp, làm việc khoa học	C1	4.0

Danh mục các chuẩn đối sánh

(1) Thang đo nhận thức Bloom

Bảng 6. Thang đo nhận thức Bloom

Mức nhận thức	Động từ
06	Sáng tạo
05	Đánh giá
04	Phân tích
03	Áp dụng

Mức nhận thức		Động từ
02	Hiểu	Phân loại, mô tả, thảo luận, giải thích, xác định, báo cáo, nhận biết, lựa chọn,..
01	Ghi nhớ	Định nghĩa, sao chép, liệt kê, ghi nhớ, lặp lại,...

(2) Khung TĐQG – Khung trình độ quốc gia – bậc 2 (trích Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Kiến thức (K):

- K1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.
- K2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
- K3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- K4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.
- K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

Kỹ năng (S):

- S1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.
- S2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- S3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
- S4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- S5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
- S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):

- C1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
- C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Bảng 7. Ma trận mối quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra chương trình - PLOs
----------	----------------------------------

(POs)	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
PO1	X				X	X			X			
PO2		X		X		X		X		X		
PO3			X		X	X	X				X	X
PO4		X		X				X		X	X	
PO5	X						X		X			X
PO6		X							X		X	X

1.3. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp

1.3.1. Cơ hội việc làm

Người học tốt nghiệp ngành Kinh tế số có thể đảm nhận các vị trí sau:

- Chuyên gia phân tích dữ liệu kinh tế, dự báo thị trường, hành vi người tiêu dùng tại các doanh nghiệp và tổ chức.
- Chuyên gia tư vấn chuyển đổi số tại các doanh nghiệp và tổ chức.
- Chuyên gia quản lý thương mại, quản lý hệ thống kinh doanh trực tuyến, quản lý kênh phân phối cho các doanh nghiệp trong nước và tập đoàn nước ngoài.
- Chuyên gia hoặc quản lý các doanh nghiệp cung cấp giải pháp kinh doanh trên nền tảng số.
- Chuyên gia quản trị website và triển khai hoạt động marketing trên nền tảng số cho các tổ chức, doanh nghiệp.
- Có thể làm cán bộ giảng dạy và nghiên cứu tại các viện và các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

1.3.2. Cơ hội học tập

Liên thông trong với các chương trình nâng cao ở bậc sau đại học của các trường đại học trong nước và quốc tế.

1.4. Tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học ban hành kèm theo Quyết định số: 164/QĐ-UEF, ngày 01/03/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực hiện theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.5.1. Quy chế đào tạo

Chương trình giáo dục đại học ngành Kinh tế số được tổ chức theo các văn bản sau:

- Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học;
- Quyết định số 215/QĐ-UEF ngày 28 tháng 05 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học (áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021 trở về sau) và các văn bản quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.5.2. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Kinh tế số được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm: 131 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ GD-ĐT (Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT), Quy chế đào tạo trình độ đại học và các quy định hiện hành của UEF.

Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, nhưng người học có thể rút ngắn còn 3 năm hoặc kéo dài thời gian học tối đa 8 năm. Mỗi năm học có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè), mỗi học kỳ chính được phân thành 02 đợt, mỗi đợt có 8 tuần học, một tuần dự trữ và 1 tuần thi.

Theo lộ trình được thiết kế một số học phần đặc biệt được bố trí theo định hướng sau:

- Giảng dạy Tiếng Anh: Các học phần Tiếng Anh 1 đến Tiếng Anh 6 được bố trí ở 04 học kỳ đầu HK1, HK2, HK3; từ HK4 trở đi, người học bắt đầu tham dự học các học phần chuyên môn bằng tiếng Anh (có 12 học phần chuyên môn thực hiện giảng dạy bằng Tiếng Anh); nhằm giúp người học sau tốt nghiệp có thể sử dụng thành thạo Tiếng Anh trong quá trình thực hiện các hoạt động nghề nghiệp chuyên ngành;
- Giảng dạy kỹ năng: Học phần kỹ năng Project Design 1 được giảng dạy ở năm 1, Project Design 2 được giảng dạy ở năm 2, hình thành cho người học phương pháp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy, phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua một dự án. Trên cơ sở đó người học sẽ phát triển các kỹ năng qua các học phần chuyên môn ở các học kỳ năm học tiếp theo;
- Giảng dạy chuyên môn: Từ HK1 năm thứ nhất, người học được tiếp cận các môn nhập môn, môn cơ sở ngành và được tiếp cận với các lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn thông qua các hoạt động tham quan, kiến tập, hội thảo chuyên đề,... Trong năm 3, SV sẽ chọn một trong hai hướng chuyên ngành để học. Ở học kỳ cuối, sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp (toàn thời gian tại đơn vị thực tập tối thiểu 12 tuần) và thực hiện chuyên đề hoặc khóa luận tốt nghiệp.
- Để tiếp thu được một tiết lý thuyết học trên lớp, sinh viên phải cần từ 2 đến 3 tiết chuẩn bị, tự học, tự nghiên cứu ở nhà, một tiết học thực hành hoặc bài tập trên lớp cần từ 1 đến 2 tiết chuẩn bị ở nhà.
- Trong quá trình học tập và rèn luyện, sinh viên phải chấp hành đúng những nội quy, quy định của nhà trường; phải tham gia học tập, nghiên cứu, tham dự đầy đủ các buổi làm bài

tập thực hành, thực tập, kiểm tra giữa kỳ, thi hết môn học để tích lũy đủ khối lượng kiến thức cần thiết.

- Cuối khóa học, những sinh viên hội đủ tất cả các điều kiện theo quy định của Nhà trường sẽ được xét công nhận và cấp bằng tốt nghiệp.

1.5.3. Điều kiện tốt nghiệp, công nhận và cấp bằng tốt nghiệp

(Trích Điều 37, Điều 38 Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo Quyết định số 215/QĐ-UEF, ngày 28/05/2021)

Điều kiện tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp chương trình đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

- a. Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- b. Tích lũy đủ các học phần quy định của chương trình đào tạo;
- c. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; riêng điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp đạt từ điểm C trở lên.
- d. Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- e. Có chứng chỉ khác đạt chuẩn đầu ra theo quy định của Trường;
- f. Thanh toán đầy đủ các khoản quy định của Trường;
- g. Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

2. Đối với sinh viên đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai theo hình thức đào tạo song bằng hoặc song ngành, khi hoàn thành chương trình sẽ được Nhà trường xét công nhận tốt nghiệp ngành thứ hai hoặc chứng nhận hoàn thành chương trình song ngành cùng lúc hoặc sau chương trình đào tạo thứ nhất theo quy định.

3. Sau mỗi đợt học của học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

4. Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các Trưởng khoa quản lý ngành, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Tài chính, Chánh Văn phòng.

5. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp, công nhận hoàn thành chương trình song ngành cho những sinh viên đủ điều kiện.

Cấp bằng tốt nghiệp, phụ lục văn bằng tốt nghiệp và chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

2. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá như sau:

- a. Loại xuất sắc: Điểm trung bình tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b. Loại giỏi: Điểm trung bình tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c. Loại khá: Điểm trung bình tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d. Loại trung bình: Điểm trung bình tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

3. Đối với những sinh viên có điểm trung bình tích lũy toàn khóa loại xuất sắc và giỏi, hạng tốt nghiệp sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình.
- b. Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Kết quả học tập của sinh viên được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

5. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 37 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

6. Sinh viên được cấp phụ lục văn bằng tốt nghiệp cùng với bằng tốt nghiệp theo quy định của Trường.

7. Đối với sinh viên hoàn thành chương trình song ngành sẽ được Trường cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình song ngành và bảng điểm theo quy định của Trường.

8. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục quốc phòng – an ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

9. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Trường.

1.6. Đánh giá

1.6.1. Cách thức đánh giá

Cách thức đánh giá được nêu cụ thể trong đề cương chi tiết của các môn học. (Trích Điều 22. Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo Quyết định số 215/QĐ-UEF, ngày 28/05/2021)

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:

Sinh viên được đánh giá qua 3 điểm thành phần như sau:

- a. *Điểm quá trình* có trọng số 30%, bao gồm:
 - Điểm chuyên cần: Trọng số 10%, nếu sinh viên vắng quá 03 buổi kể cả nghỉ có phép, thì điểm chuyên cần bằng 0;

▪ Điểm tham gia các hoạt động tại lớp hoặc ngoài lớp, trong các buổi thảo luận (seminar), điểm bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm (trên lớp hoặc về nhà), điểm của các hình thức đánh giá khác: Trọng số 20%;

b. *Điểm giữa kỳ của học phần* có trọng số 20%, bao gồm các hình thức bài kiểm tra trên lớp lý thuyết, thực hành, vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập lớn...;

c. *Điểm thi kết thúc học phần (điểm thi cuối kỳ)* có trọng số 50%: Sinh viên phải tham gia kỳ thi kết thúc học phần theo lịch thi chung của Nhà trường. Nếu sinh viên bỏ thi kết thúc học phần không có lý do chính đáng sẽ nhận điểm F và phải học lại học phần đó.

Các trường hợp đặc biệt khác với quy định trên sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

2. Đối với học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm của học phần thực hành là điểm trung bình cộng của các bài thực hành trong học kỳ làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và chấm các điểm thành phần, riêng việc chấm thi kết thúc học phần thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần.

4. Các điểm thành phần bao gồm điểm quá trình và điểm giữa kỳ phải được lưu giữ minh chứng tại đơn vị quản lý học phần.

5. Các điểm thành phần được chấm theo thang điểm 10. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

1.6.2. Thang điểm

(Trích Điều 23. Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo Quyết định số 215/QĐ-UEF, ngày 28/05/2021)

1. Điểm học phần theo thang điểm 10 được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ, tương ứng với thang điểm 4. Điểm học phần bao gồm:

a. Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt	từ 8,5 đến 10	A	4,0
	từ 7,0 đến 8,4	B	3,0
	từ 5,5 đến 6,9	C	2,0
	từ 4,0 đến 5,4	D	1,0

Một học phần được xem là đạt (được tích lũy) nếu điểm đánh giá học phần từ điểm D trở lên. Tuy nhiên, điểm D là điểm đạt có điều kiện. Sinh viên nên học cải thiện điểm D để đảm bảo điều kiện về điểm trung bình tích lũy qua các năm học.

b. Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10).

c. Loại không đạt:

Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Không đạt	từ 0 đến 3,9	F	0

Thang điểm 4 là thang điểm đánh giá chính thức, được dùng để xử lý kết quả học tập, xếp loại học lực, xét điều kiện tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp cho sinh viên.

1.7. Khối lượng kiến thức và nội dung chương trình

1.7.1. Khối lượng kiến thức

Chương trình đào tạo Đại học ngành Kinh tế số được thiết kế với khối lượng kiến thức cho toàn khóa học là 131 tín chỉ. Trong đó khối lượng kiến thức tích lũy: 131 tín chỉ, khối lượng kiến thức không tích lũy 03 tín chỉ và kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định (165 tiết). Trong đó:

TT	Khối kiến thức	Khối lượng			
		Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tỉ lệ %
1	Kiến thức giáo dục đại cương	47	47		35,9%
1.1	Khoa học tự nhiên – xã hội	6	6	-	
1.2	Khoa học chính trị	11	11	-	
1.3	Pháp luật	3	3	-	
1.4	Tin học	3	3	-	
1.5	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	24	24	-	
2	Kiến thức cơ sở ngành	18	18	-	13,7%
3	Kiến thức chuyên ngành	45	30	15	34,4%
4	Kiến thức bổ trợ	12	6	6	9,2%
5	Thực tập thực tế	9	3	6	6,9%
6	Kiến thức không tích lũy (GDTC: 3 tín chỉ, GDQP: 165 tiết)				
Tổng cộng (tích lũy):		131	104 (80%)	27 (20%)	100,0%

1.7.2. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP (BB/TC)	Giảng dạy bằng tiếng NN	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH/TN	DA	TT		
1	Kiến thức giáo dục đại cương					47						
1.1	Khoa học tự nhiên					6						
1.1.1	DEC1101	Khoa học tổng quát	Basic Science	BB		3	3					
1.1.2	IEC1104	Phương pháp nghiên cứu trong Kinh tế	Research Methods in Economics Study	BB		3	3					
1.2	Lý luận chính trị					11						
1.2.1	POL1111	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	BB		3	3					
1.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	BB		2	2					
1.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	BB		2	2					
1.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	BB		2	2					
1.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	BB		2	2					
1.3	Pháp luật					3						
1.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Basics of Law	BB		3	3					
1.4	Tin học					3						
1.4.1	ITE1201	Tin học đại cương	Information System Overview	BB		3	2	1				
1.5	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)					24						
1.5.1	ENG2101	Tiếng Anh 1	English 1	BB		4	4					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP (BB/TC)	Giảng dạy bằng tiếng NN	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH/TN	DA	TT		
1.5.2	ENG2102	Tiếng Anh 2	English 2	BB		4	4					
1.5.3	ENG2103	Tiếng Anh 3	English 3	BB		4	4					
1.5.4	ENG2104	Tiếng Anh 4	English 4	BB		4	4					
1.5.5	ENG2105	Tiếng Anh 5	English 5	BB		4	4					
1.5.6	ENG2106	Tiếng Anh 6	English 6	BB		4	4					
2.	Kiến thức cơ sở ngành					18						
1.1	ECO1101	Kinh tế vi mô	Principle of Microeconomics	BB		3	3					
1.2	ECO1102	Kinh tế vĩ mô	Principle of Macroeconomics	BB		3	3				ECO1101	
1.3	REE1108	Khoa học quản lý	Introduction to Management	BB		3	3					MGT1101
1.4	MKT1101	Marketing căn bản	Principles of Marketing	BB		3	3					
1.5	ACC1101	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	BB		3	3				ECO1101	
1.6	BUS1127E	Nhập môn Tiếng Anh kinh doanh	Introduction of Business English	BB	E	3	3					
3.	Kiến thức chuyên ngành					45						
3.1	DEC1201E	Kinh doanh trong môi trường toàn cầu	Global Dimensions of Business	BB	E	3	3					
3.2	ITE1207	Cơ sở dữ liệu	Introduction to Database	BB		3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP (BB/TC)	Giảng dạy bằng tiếng NN	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH/TN	DA	TT		
3.3	MGT110E	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	BB	E	3	3				REE1108	
3.4	FIN1139	Quản trị tài chính	Principle of Finance	BB	E	3	3					
3.5	DEC1102	Nhập môn kinh tế số	Foundation of Digital Economy	BB		3	3					
3.6	BUS1104E	Thương mại điện tử	E-commerce	BB	E	3	3					
3.7	ECO1103E	Kinh tế quốc tế	International Economics	BB	E	3	3				ECO1102	
3.8	REE1201	Luật và đạo đức trong kinh doanh	Business Laws and Ethics Fundamentals	BB		3	3				REE1108	
3.9	IBU1101	Đầu tư quốc tế	International Investment	BB		3	3					
3.10	MGT1103E	Quản trị dự án	Project Management	BB	E	3	3					
Sinh viên chọn 01 trong 02 chuyên ngành												
	Chuyên ngành Kinh doanh số		Digital Business			15						
3.11.1	ITE1129E	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information Systems	TC	E	3	3					
3.12.1	DEC1103E	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong kinh tế	Artificial Intelligence applied in Economics	TC	E	3	3					
3.13.1	DEC1104E	Tài chính số	Digital Finance	TC	E	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP (BB/TC)	Giảng dạy bằng tiếng NN	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH/TN	DA	TT		
3.14.1	DEC1105E	Vận hành kinh doanh số	Digital Business Operations	TC	E	3	3					
3.15.1	DEC1106E	Truyền thông và tiếp thị số	Communication and Digital Marketing	TC	E	3	3					
	Chuyên ngành Quản trị kinh tế số		Digital Business Management									
3.11.2	DEC1107E	Công dân số	Becoming Digital Citizen	TC	E	3	3					
3.12.2	IBU1103E	Quản trị marketing toàn cầu	Global Marketing Management	TC	E	3	3				MKT1101	
3.13.2	IBU1104E	Quản trị chiến lược toàn cầu	Global Strategic Management	TC	E	3	3				REE1108	
3.14.2	DEC1108E	Chính phủ số	Digital Government	TC	E	3	3					
3.15.2	DEC1109E	Mô hình kinh doanh trong môi trường số	Digital Business Model	TC	E	3	3					
4.	Kiến thức bổ trợ					12						
4.1	SKI1107	Project Design 1	Project Design 1	BB		3	3					
4.2	SKI1108	Project Design 2	Project Design 2	BB		3	3					
		<i>Chọn 2 trong các học phần sau</i>										
4.3	REE1109	Công dân toàn cầu	Global Citizenship	TC		3	3					
4.4	REE1110	Khởi nghiệp	Entrepreneurs hip	TC		3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP (BB/TC)	Giảng dạy bằng tiếng NN	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH/TN	DA	TT		
4.5	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	TC		3	3					
4.6	IRE1138	Văn minh nhân loại	Human Civilization	TC		3	3					
4.7	LAW111	Luật thương mại	Commercial Law	TC		3	3					
4.8	JPN1108	Đất nước học Nhật Bản	Japanese Ethnology	TC		3	3					
4.9	KOR1147	Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	Korean Traditional Culture	TC		3	3					
4.10	CHI1122	Đất nước học Trung Quốc	Profile of China	TC		3	3					
4.11	FIN1152	Quản lý tài chính cá nhân	Personal Financial Management	TC		3	3					
4.12	HRM111	Nghệ thuật lãnh đạo	Arts of Leadership	TC		3	3					
4.13	GPD1135	Nghệ thuật học cơ bản	The Basic of Arts	TC		3	3					
4.14	DAS1124	Phân tích dữ liệu ứng dụng	Data Analytics in Applications	TC		3	3					
4.15	DAS1125	Nhập môn chuyển đổi số	Introduction to Digital Transformation	TC		3	3					
4.16	PSY1103	Tâm lý giao tiếp	Communication Psychology	TC		3	3					
4.17	HMM1137	Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân	Professional Personal Image Development	TC		3	3					

[illegible]

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP (BB/TC)	Giảng dạy bằng tiếng NN	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH/TN	DA	TT		
6.1.2.1	GYM1 321	GDTC-Vovinam 1	Physical Education 1 (Vovinam)	TC		1		1				
6.1.2.2	GYM1 322	GDTC-Vovinam 2	Physical Education 2 (Vovinam)	TC		1		1				
6.1.2.3	GYM1 323	GDTC-Vovinam 3	Physical Education 3 (Vovinam)	TC		1		1				
	Nhóm 3											
6.1.3.1	GYM1 331	GDTC-Boxing 1	Physical Education 1 (Boxing)	TC		1		1				
6.1.3.2	GYM1 332	GDTC-Boxing 2	Physical Education 2 (Boxing)	TC		1		1				
6.1.3.3	GYM1 333	GDTC-Boxing 3	Physical Education 3 (Boxing)	TC		1		1				
	Nhóm 4											
6.1.4.1	GYM1 341	GDTC-Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 (Body-building)	TC		1		1				
6.1.4.3	GYM1 342	GDTC-Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 (Body-building)	TC		1		1				
6.1.4.1	GYM1 343	GDTC-Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 (Body-building)	TC		1		1				

TT	Mã HP	Tên học phần		Loại HP (BB/TC)	Giảng dạy bằng tiếng NN	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
		Tiếng Việt	Tiếng Anh			Tổng	LT	TH/TN	DA	TT		
	Nhóm 5											
6.1.5.1	GYM1351	GDTC – DanceSport 1	Physical Education 1 (DanceSport)	TC		1		1				
6.1.5.3	GYM1352	GDTC – DanceSport 2	Physical Education 2 (DanceSport)	TC		1		1				
6.1.5.1	GYM1353	GDTC – DanceSport 3	Physical Education 3 (DanceSport)	TC		1		1				
6.2	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy											
6.2.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education	BB								
		TỔNG CỘNG				131						

Ghi chú: Mã MH ký hiệu xxxxxxxE – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.

2. Kế hoạch giảng dạy phân theo từng học kỳ (dự kiến)

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)								Mã HP trước
			1	2	3	4	5	6	7	8	
1	ENG2101	Tiếng Anh 1	4								
2	ITE1201	Tin học đại cương	3								
3	ENG2102	Tiếng Anh 2	4								
4	ECO1101	Kinh tế vi mô	3								
5	DEC101	Khoa học tổng quát	3								
Cộng:			17								
6	ENG2103	Tiếng Anh 3		4							
7	ECO1102	Kinh tế vĩ mô		3							ECO1101

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)								Mã HP trước
			1	2	3	4	5	6	7	8	
8	ENG2104	Tiếng Anh 4		4							
9	SKI1107	Project design 1		3							
10	REE1108	Khoa học quản lý		3							
Cộng:				17							
11	ENG2105	Tiếng Anh 5			4						
12	MKT1101	Marketing căn bản			3						
13	SKI1108	Project design 2			3						SKI1107
14	ENG2106	Tiếng Anh 6			4						
15	LAW1101	Pháp luật đại cương			3						
16	GYM1311/ GYM1321/ GYM1331/ GYM1341	Giáo dục thể chất - Aerobic 1/ Giáo dục thể chất - Vovinam 1/ Giáo dục thể chất - Boxing 1/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 1			1						
Cộng:					18						
17	BUS1127E	Nhập môn Tiếng Anh kinh doanh				3					
18	IEC1101	Phương pháp nghiên cứu trong Kinh tế				3					
19	ACC1101	Nguyên lý kế toán				3					ECO1101
20	GYM1312/ GYM1322/ GYM1332/ GYM1342	Giáo dục thể chất - Aerobic 2/ Giáo dục thể chất - Vovinam 2/ Giáo dục thể chất - Boxing 2/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 2				1					
21	REE1201	Luật và đạo đức trong kinh doanh				3					REE1108
22	DEC1102	Nhập môn kinh tế số				3					
23	GYM1313/ GYM1323/ GYM1333/ GYM1343	Giáo dục thể chất - Aerobic 3/ Giáo dục thể chất - Vovinam 3/ Giáo dục thể chất - Boxing 3/ Giáo dục thể chất - Thể hình thẩm mỹ 3				1					

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)								Mã HP trước
			1	2	3	4	5	6	7	8	
Cộng:						17					
24	FIN1139	Quản trị tài chính					3				
25	POL1111	Triết học Mác - Lênin					3				
26	POL1112	Kinh tế chính trị Mác - Lênin					3				
27	MGT1103E	Quản trị dự án					2			REE1108	
28	MGT1110E	Quản trị nguồn nhân lực					3			REE1108	
29	DEC1201E	Kinh doanh trong môi trường toàn cầu					3				
30	ITE1207	Cơ sở dữ liệu					3				
Cộng:							20				
31	BUS1104E	Thương mại điện tử						2			
32	ECO1103E	Kinh tế quốc tế						2		ECO1102	
33	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh						3			
34	IBU1101	Đầu tư quốc tế						3			
35	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học						2			
36	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam						3			
		Học phần tự chọn 1						3			
Cộng:								18			
37		Học phần tự chọn 2							3		
	Chuyên ngành Kinh doanh số										
38	ITE1129E	Hệ thống thông tin quản lý							3		
39	DEC1103E	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh tế							3		
40	DEC1104E	Tài chính số							3	FIN1139	
41	DEC1105E	Vận hành kinh doanh số							3		
42	DEC1106E	Truyền thông và tiếp thị số							3		
	Chuyên ngành Quản trị kinh doanh số										
43	DEC1107E	Công dân số							3		
44	IBU1103E	Quản trị marketing toàn cầu							3	MKT1101	
45	IBU1104E	Quản trị chiến lược toàn cầu							3	REE1108	

TT	Mã HP	Tên học phần	Học kỳ (số tín chỉ)								Mã HP trước
			1	2	3	4	5	6	7	8	
46	DEC1108E	Chính phủ số							3		
47	DEC1109E	Mô hình kinh doanh trong môi trường số							3		
Cộng:									18		
48	DEC1301	Thực tập tốt nghiệp								3	
Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức:											
49	DEC1401	Chuyên đề tốt nghiệp								6	
50	DEC1411	Khóa luận tốt nghiệp								6	
Cộng:										9	
Cộng:			17	17	18	17	20	18	18	9	

3. Kế hoạch tuyển sinh 05 năm đầu (dự kiến)

Năm học	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
Chỉ tiêu dự kiến	60	70	80	90	100

IV. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KINH TẾ SỐ

1. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

1.1. *Đội ngũ giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình*

Nhà trường đã chuẩn bị về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành trình độ đại học theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh chuẩn bị đội ngũ Giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số. Đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đảm bảo giảng dạy 90% chương trình đào tạo.

Bảng 8. Danh sách giảng viên chủ trì giảng dạy chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số (đính kèm)

Trong đó có 13 giảng viên cơ hữu phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo, cụ thể:

- 05 Tiến sĩ cùng nhóm ngành đào tạo
- 08 Thạc sĩ cùng nhóm ngành đào tạo

1.2. *Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo*

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng) tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số.

Nhà trường chuẩn bị đội ngũ giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đủ về số lượng và chất lượng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình trình độ đại học ngành Kinh tế số.

Đội ngũ giảng viên ưu tú, được chọn lọc theo các chuẩn mực: tâm huyết, giỏi chuyên môn, giàu kinh nghiệm thực tế, nhuần nhuyễn trong phương pháp, thân thiện và gần gũi với sinh viên.

Các phương pháp giảng dạy tích cực được áp dụng trong tất cả các môn học, giúp phát triển mạnh mẽ khả năng tư duy độc lập và sáng tạo, phát huy năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, đồng thời qua đó hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng.

Giảng dạy theo hướng truyền đạt tinh hoa, nhấn mạnh phương pháp tương tác, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề cùng các kỹ thuật hỗ trợ như làm việc nhóm, thảo luận, thuyết trình, v.v... chính là những nét đặc trưng của các lớp học tại UEF.

Bảng 9. Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số (đính kèm)

Bảng 10. Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo trình độ đại học của ngành Kinh tế số (Đính kèm)

2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên

Bảng 11. Các chỉ tiêu phát triển nguồn lực giảng viên

Nội dung	2022-2023 (%)	2023-2024 (%)	2024-2025 (%)	2025-2026 (%)	2026-2027 (%)
Giáo sư	3	4	5	6	7
Phó Giáo sư	8	10	12	13	14
Tiến sĩ	22	23	25	28	30
Thạc sĩ	50	48	46	44	42
Cử nhân/ Kỹ sư	17	15	12	10	08

V. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Điều kiện cơ sở vật chất hiện hữu bảo đảm mở ngành Kinh tế số

UEF luôn chú trọng đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phù hợp với mô hình đào tạo chất lượng cao. Trong đó nhà trường chú trọng đầu tư hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng với các trang thiết bị hiện đại và phù hợp; Diện tích đất triển khai đào tạo luôn đảm bảo tỉ lệ diện tích/sinh viên theo quy định; Hệ thống thư viện với nguồn học liệu đa dạng, thường xuyên được cập nhật, phù hợp với các ngành nghề đào tạo của trường; Hệ thống phòng thực hành đầy đủ, trang thiết bị hiện đại được bảo trì, mua mới thường xuyên; Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư nâng cấp thường xuyên đáp ứng quá trình phát triển công nghệ hiện nay, ngoài ra cảnh quan môi trường sư phạm thân thiện, đảm bảo an toàn, an ninh, đảm bảo sức khỏe cho CB-GV-NV và sinh viên.

Về phòng học, giảng đường phục vụ đào tạo: Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho tất cả ngành, chuyên ngành đào tạo trong nhà trường, với tổng số phòng học, giảng đường gồm 290 phòng học, diện tích: 24.141,36 m²

Về phòng thí nghiệm, thực hành: Nhà trường phòng thí nghiệm và thực hành có đủ trang thiết bị cho sinh viên và học viên học tập và nghiên cứu với tổng diện tích 6.924,33 m²

Về mạng công nghệ thông tin: Toàn trường đã được nối mạng và xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý cũng như điều hành trường theo hệ thống mạng LAN nội bộ. Hệ điều hành quản lý trên Internet với đường truyền băng cáp quang tốc độ cao nhằm đảm bảo việc truy cập, truyền các dữ liệu đi hoặc về nhanh trong tiện lợi cho việc giảng dạy và học tập (toàn khuôn viên trường hiện nay có hệ thống truy cập wifi miễn phí được mở 24/24).

Cụ thể chi tiết:

Bảng 7. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Kinh tế số trình độ đại học

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	05	1.715,32	Dùng chung	2 kỳ/năm	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	-	-			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	93	8.716,34	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	193	13.771,94	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	9	1.394,80	Dùng chung	2 kỳ/năm	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian		19.193,81	Dùng chung	2 kỳ/năm	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	03	4.120,67	Dùng chung	2 kỳ/năm	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	24	8.997,98	Dùng chung	2 kỳ/năm	

3.1. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập

UEF đã đầu tư cơ sở vật chất trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số, đảm bảo về số lượng, chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành theo quy định.

(Bảng 13. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành Kinh tế số trình độ đại học)

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1 PHÒNG STUDIO	Audio Mixer 12ch Multitrack Recorder Zoom Live Trak	2018	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thẻ nhớ SanDisk 64GB	2018	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ chia headphone Behringer Powerplay HA8000 V2	2018	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy thu âm Zoom H4n Pro 4	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro thu âm Shure SM7B	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Chân micro thu âm Auray BAE-2X	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tai nghe phòng thu Audio-Technica ATH-M50x	2018	3	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	UPS Santak 2KVA	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy ảnh Canon EOS 5D Mark IV DSLR	2018	3	Bộ		2 kỳ/năm	3-5 sinh viên	
	Lens máy ảnh Canon EF24-105mm f/4 L IS USM II	2018	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Lens máy ảnh canon EF16-35mm f/2.8L III USM	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Lens máy ảnh canon EF 70-200mm f/2.8L IS II USM	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Lens máy ảnh canon EF 50mm f/1.4 USM	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tripod Manfrotto MT055CXPRO3	2018	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Pin Canon LP-E6N	2018	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đầu đọc USB 3.0 SanDisk IMAGEMATE all in one	2018	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ổ cứng LaCie HDD 2TB	2018	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Hệ thống đèn Dedolight SPS5E 5 Lighting Kit	2018	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Hệ thống đèn Kino Flo 4Bank 2-Light Kit	2018	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bàn tù đặt thiết bị	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Loa Microlab FC530U	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tủ chống ẩm Nikatei NC-100S	2018	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Phòng xanh chụp hình	2018	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro thu âm Saramonic SR-WM4C	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bàn trang điểm	2020	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Gương soi đứng	2020	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tủ đựng thiết bị	2020	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy quay phim chuyên dụng Sony PXW-Z190V	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	3-5 sinh viên	
	Pin dung lượng cao Sony BP-U70	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tai nghe thẩm âm Sony MDR-XB550AP	2021	43	Cái		2 kỳ/năm	1 sinh viên	
	Tivi Sony KDL-43W800G	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thẻ nhớ Sandisk 64GB 170m/s	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Chân máy quay Benro KH26	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Flash Godox V1	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Trigger Godox Xpro	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Hắt sáng tròn 2 in 1 (80cm) Godox	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ đèn phòng chụp Godox MS300 Kit	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Trigger Godox AT-04	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Combo giá treo phong di động có xích	2021	2	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy ghi âm Zoom H4Pro	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Microphone không dây Sennheiser 112P G4	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Microphone phỏng vấn + Đầu lọc Rode Shotgun Micro NTG4 Plus	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ máy tính dựng phim	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	2-5 sinh viên	
	Thanh trượt Dolly Dragon D10-120cm	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tay boom camera crane Dragon 01	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Màn hình 7inch Feel world T7	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Bảng Clapper Board	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy nhắc chữ 19.5 inch	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bàn trộn hình video Datavideo HS 1300	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Card Blackmagic Decklink 8K pro	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Hub USB type C Multimedia 6in1 Belkin F4U092BTSGY	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ loa kiểm âm phòng studio Yamaha HS8	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro đọc phát thanh + Đầu lọc Rode NT-USB	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ sạc pin AA Panasonic BQ-CC55	2021	2	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Phông vải 3m*10m	2021	4	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đầu ghi hình Datavideo Recorder HRS - 30	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ hệ thống liên lạc Datavideo Intercom System ITC - 100	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ đèn led Studio Yongnuo YN600L II Pro	2021	3	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Bộ hộp kết nối thiết bị Mackie Big Knob Studio Plus	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ đàm Kenwood TK-3307	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bảng Flipchart Up side down 600x1000	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Loa kiểm âm Yamaha HS8	2022	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ống kính Sony FE 85mm F1.8 OSS	2022	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Microphone Rode NTG4 Plus	2022	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Microphone Rode Wireless GO II	2022	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đèn Kino 8 bóng Osram/Duluxl	2022	2	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Chân đèn flash Victory MD-280	2022	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Boom Microphone Boya BY-PB25 Carbon	2022	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy chụp hình Sony ILCE-7M4	2023	4	Cái		2 kỳ/năm	3-5 sinh viên	
	Lens Sony FE 24-105mm F4 G OSS	2023	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Ống kính Sony FE 90mm F2.8 Macro G OSS	2023	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ống kính Sony FE 85mm F1.8	2023	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Pin Sony NP-FZ100	2023	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thẻ nhớ Sony 64GB - 170mb/s	2023	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Box chụp hình sản phẩm có led Puluz 30cm	2023	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bàn xoay trưng bày TURNTABLE BKL 35cm	2023	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Giá treo tivi di động NORTH BAYOU AVA1500	2023	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Gimbal DJI RS3 combo	2023	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Gimbal DJI Osmo Mobile 6	2023	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đầu đọc LEXAR multi card 3in1 usb 3.1 reader	2023	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro Sennheiser EM-555	2023	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
2 PHÒNG	Bảng viết	2019	14	Bộ	1. Tin học thống kê 2. Quản trị dữ liệu	2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
MÁY TINH	Bàn, ghế học viên	2019	588	Bộ	3. Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin 4. Trí tuệ nhân tạo	2 kỳ/năm	1 sinh viên	
	Bàn, ghế giáo viên	2019	14	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ampli	2019	14	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro	2019	14	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy chiếu	2019	14	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Màn chiếu	2019	14	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy vi tính	2019	602	Bộ		2 kỳ/năm	1 sinh viên	
	Webcam	2022	220	Cái		2 kỳ/năm	1 sinh viên	
	Tai nghe	2022	220	Bộ		2 kỳ/năm	1 sinh viên	
3 PHÒNG GYM	Dàn đa năng	2019	1	Cái	1. GDTC–Thể hình thẩm mỹ 1 2. GDTC–Thể hình thẩm mỹ 2 3. GDTC–Thể hình thẩm mỹ 3	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn xoay eo	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn tập đùi xiên	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Dàn gánh đùi xiên	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bộ tạ các loại	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập ngực	2019	5	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập bụng	2019	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập tay	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn tập đa năng	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn xoay eo 3 đĩa	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn gánh đùi (khung gánh tạ)	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập bụng	2019	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập ngực dưới	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế dốc tập ngực dưới	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập ngực ngang	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Ghế tập ngực trên	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập có điều chỉnh	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập duỗi lưng	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập tay trước	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế ngang (ghế khởi động)	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập đập đùi xiên	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy ép đùi - banh đùi	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập đập đùi + gánh đùi	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Xe đạp bánh đà	2019	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy trượt tuyết	2019	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy chạy bộ	2019	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy đẩy ngực ngang	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Máy đập cơ nông	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập ép ngực/lưng	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập ngực xiên	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập xà đơn/xà kép/trợ lực	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập bụng	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập đẩy vai	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập đùi sau	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập duỗi chân (đá/móc đùi)	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập tay trước	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tạ tay các loại	2019	79	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tạ đĩa các loại	2019	77	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đòn tạ các loại	2019	23	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Giá đặt đòn tạ	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Giá đặt tạ tay	2019	3	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bóng hơi	2019	6	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thanh kéo tay PB16	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dây đôi tập xô tay	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập cơ lưng - vai IT9319 Impulse	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Máy tập cơ SL7002 Impulse	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Khung tập thể lực đa năng I-Shape (IZ7001, IZ7002, IZ7008)	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Dàn tạ đa năng SL7015	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập ngực ngang IT7014	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Ghế tập có điều chỉnh IT7011	2021	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
4	Dây nhảy	2019	10	Cái	1. GDTC-Aerobic 1 2. GDTC-Aerobic 2	2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
PHÒNG AEROBIC	Loa di động	2019	2	Cái	3. GDTC-Aerobic 3	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thảm tập	2019	180	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Kính thủy	2019	10	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
5 PHÒNG TẬP VÕ	Bao cát treo 1.2m	2019	5	Cái	1. GDTC-Vovinam 1 2. GDTC-Vovinam 2 3. GDTC-Vovinam 3 4. GDTC-Boxing 1 5. GDTC-Boxing 2 6. GDTC-Boxing 3	2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Địch đá	2019	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Găng boxing	2019	12	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Địch đầm	2019	8	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đầu bảo hộ	2019	6	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đồng hồ bấm giờ	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thang dây	2019	2	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Chóp nhựa	2019	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Giáp bảo hộ	2019	6	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Dây nhảy	2019	10	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Thảm tập	2019	180	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
6 PHÒNG HỌC ONLINE	Máy tính	2019	140	Cái	Phục vụ các môn học của chương trình đào tạo trong điều kiện Online, giao lưu quốc tế	2 kỳ/năm	1 sinh viên	
	Máy chiếu	2019	140	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Màn chiếu	2019	140	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tai nghe	2021	5	Cái		2 kỳ/năm	1 sinh viên	
	Webcam	2021	5	Cái		2 kỳ/năm	1 sinh viên	
7 TRUNG TÂM SỰ KIỆN	Loa array Active Tasso T2	2021	2	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Loa Motivity BLS12M	2021	1	Cặp		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Mixer Midas M32R Live	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro không dây SKM 6000	2021	2	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Micro không dây Shure BLX 288A	2021	1	Bộ		2 kỳ/năm	Dùng chung	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
	Amplifer Crown X1i3500	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Amplifer Korah Ka27s	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	DriveRackDBX PA260	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Tủ thiết bị 16U	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Cây trụ treo đèn	2021	2	Cây		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đèn Beam 230 (350w)	2021	4	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đèn Parled full	2021	10	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Đèn ánh sáng vàng	2021	10	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	
	Bàn điều khiển đèn Disco 240	2021	1	Cái		2 kỳ/năm	Dùng chung	

3.2. Thư viện

- Diện tích thư viện: 4.120,67 m²;
- Số chỗ ngồi: 1000;
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 40 máy
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0 và Dspace
- Thư viện điện tử: 01; Số lượng sách, giáo trình điện tử: 27.082

Về thư viện, trung tâm học liệu: Nhà trường hiện có 04 thư viện và trung tâm học liệu với tổng diện tích 4.120,67 m². Thư viện còn được bố trí đầy đủ trang thiết bị hiện đại như hệ thống máy lạnh, đèn, bàn ghế,... hệ thống máy tính tra cứu tốc độ cao, diện tích phù hợp, không gian thoáng đãng với sức chứa hơn 200 chỗ ngồi tạo môi trường, điều kiện học tập tốt nhất cho người học. Hiện nay, Thư viện sử dụng 02 phần mềm trong hoạt động của mình: Phần mềm Libol 6.0: Cung cấp thông tin thư mục tài liệu dạng giấy có tại thư viện và Phần mềm mã nguồn mở DSpace: Cung cấp thông tin thư mục và toàn văn các bộ sưu tập tài liệu điện tử do thư viện số hóa và sưu tập từ các nguồn khác nhau như tài liệu, bài giảng, tài liệu tham khảo, báo, tạp chí, luận văn, luận án và các báo cáo tốt nghiệp, là nguồn tham khảo phong phú trong quá trình học tập và nghiên cứu tại trường. Thư viện có ban hành Nội quy Thư viện quy định thời gian mở cửa cũng như các quyền lợi và trách nhiệm của người sử dụng Thư viện. Ngoài những tài liệu từ nguồn mua, Thư viện cũng nhận được số lượng đáng kể các tài liệu từ nguồn các nguồn tài trợ khác nhau như Quỹ Châu Á,....

Bên cạnh đó, Thư viện cũng đã có những thỏa thuận về dùng chung cơ sở dữ liệu với các Thư viện khác có cùng chuyên ngành đào tạo với các cơ sở dữ liệu như Proquest, Springerlink là điều kiện rất thuận lợi cho quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên; Thư viện là thành viên của Liên chi hội Thư viện đại học phía Nam, có những liên kết nguồn học liệu với các trường thành viên; Tham gia vào hệ thống liên kết nguồn lực thông tin KHCN của Sở Khoa học và Công nghệ (Stinet.gov.vn) với nhiều dữ liệu từ hơn 30 trường đại học với những tài liệu được cập nhật, điều này giúp sinh viên có thêm nhiều kênh tham khảo tài liệu, dữ liệu thực tế, đảm bảo quá trình học tập và nghiên cứu tại trường.

(Bảng 9. Thư viện)

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Understanding the Science for Tomorrow	Jeffrey C. Grossman	The Teaching Company, 2011		Khoa học tổng quát	DEC1101	Học kỳ 1B	MM
2	Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches	John W. Creswell, J. David Creswell	SAGE Publications, 2022		Phương pháp nghiên cứu trong Kinh tế	IEC1104	Học kỳ 4A	MM
3	Applied Design Research: A Mosaic of 22 Examples, Experiences and Interpretations Focussing on Bridging the Gap between Practice and Academics First edition published 2022	Peter Joore, Guido Stompff, Jeroen van den Eijnde	CRC Press, 2022	ebook	Phương pháp nghiên cứu trong Kinh tế	IEC1104	Học kỳ 4A	file
4	Triết học Mac-Lenin	TS. Nguyễn Minh Trí	UEF, 2020	ebook	Triết học Mác – Lênin	POL1111	Học kỳ 5A	65915

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
5	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin,	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2018	2 bản	Triết học Mác – Lênin	POL1111	Học kỳ 5A	22759
6	Giáo trình Triết học Mác-Lênin, Hà Nội:	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2008	5 bản	Triết học Mác – Lênin	POL1111	Học kỳ 5A	1891
7	Giáo trình Kinh tế Chính trị Mac-Lenin	PGS.TS. GVCC Hồ Trọng Viện	UEF, 2020	ebook	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POL1112	Học kỳ 5A	65590
8	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin,	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2018	2 bản	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POL1112	Học kỳ 5A	22759
9	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2007	5 bản, ebook	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	POL1112	Học kỳ 5A	2022
10	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	ThS. Hà Huyền Hoài Vân	UEF, 2020	ebook	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POL1113	Học kỳ 6B	65413
11	Giáo trình Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Bộ giáo dục và đào tạo	Chính trị Quốc gia, 2008	1 bản	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POL1113	Học kỳ 6B	3641

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
12	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ, Thị Thạch, chủ biên	Ban Tuyên giáo Trung ương, 2019	ebook	Chủ nghĩa xã hội khoa học	POL1113	Học kỳ 6B	26101
13	Tư tưởng HCM	ThS. Trần Thị Hà	UEF, 2020	ebook	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL1114	Học kỳ 6A	65920
14	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2010	5 bản	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL1114	Học kỳ 6A	17383
15	Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập		Chính trị quốc gia, 2000	ebook	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POL1114	Học kỳ 6A	24252...
16	Lịch sử Đảng	ThS. Nguyễn Đình Cơ	UEF, 2020	ebook	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POL1115	Học kỳ 6B	65623
17	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia, 2013	13 bản	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POL1115	Học kỳ 6B	17659

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
18	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị quốc gia, 2012	1 bản	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	POL1115	Học kỳ 6B	15845
19	Pháp luật đại cương	Trần Huỳnh Thanh Nghị	UEF, 2020	ebook	Pháp luật đại cương	LAW1101	Học kỳ 2B	file
20	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Có hiệu lực từ 01/01/2014	Trần Mạnh Đạt, Nguyễn Văn Huy	Tư pháp, 2017	2 bản	Pháp luật đại cương	LAW1101	Học kỳ 2B	18648
21	Giáo trình tin học đại cương (lý thuyết, thực hành)	Khoa công nghệ thông tin, UEF	UEF, 2016	ebook	Tin học đại cương	ITE1201	Học kỳ 1A	65891-65892
22	Discovering Computers 2018: Digital Technology, Data, and Devices (Shelly Cashman Series)	Vermaat	Cengage Learning, 2018	ebook	Tin học đại cương	ITE1201	Học kỳ 1A	24767

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
23	Discovering Computers and Microsoft Office 2016: A Fundamental Combined Approach	Mark Frydenberg	Cengage Learning, 2017	ebook	Tin học đại cương	ITE1201	Học kỳ 1A	24134
24	American English File 2 (2nd ed.): (Files 1-4) (WB + SB)	Latham-Koenig, C., & Oxenden, C.	Oxford University Press, 2014	ebook	Tiếng Anh 1	ENG2101	Học kỳ 1A	Kho GT
25	English for life – Speaking: (Units 1-5)	Snelling, R.	Collins, 2013	ebook	Tiếng Anh 1	ENG2101	Học kỳ 1A	Kho GT
26	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 1	ENG2101	Học kỳ 1A	17751
27	American English File 2 (2nd ed.): (Files 5-8) (WB + SB)	Christina Latham - Koenig, Clive Oxende	Oxford, 2014	ebook	Tiếng Anh 2	ENG2102	Học kỳ 1B	Kho GT

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
28	English for life – Speaking: (Units 6-10)	Snelling, R.	Collins, 2013	ebook	Tiếng Anh 2	ENG2102	Học kỳ 1B	Kho GT
29	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 2	ENG2102	Học kỳ 1B	17751
30	American English File 2 (2nd ed.): (Files 9-12) (WB + SB)	Christina Latham - Koenig, Clive Oxende	Oxford, 2014	ebook	Tiếng Anh 3	ENG2103	Học kỳ 2A	Kho GT
31	English for life – Speaking: (Units 11-15)	Snelling, R.	Collins, 2013	ebook	Tiếng Anh 3	ENG2103	Học kỳ 2A	Kho GT
32	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 3	ENG2103	Học kỳ 2A	17751

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
33	American English File 3 (2nd ed.): (Files 1-4) (WB + SB)	Christina Latham - Koenig, Clive Oxende	Oxford, 2014	ebook	Tiếng Anh 4	ENG2104	Học kỳ 2B	Kho GT
34	English for life – Speaking: (Units 16-20)	Snelling, R.	Collins, 2014	ebook	Tiếng Anh 4	ENG2104	Học kỳ 2B	Kho GT
35	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 4	ENG2104	Học kỳ 2B	17751
36	American English File 3 (2nd ed.): (Files 5-7) (WB + SB)	Christina Latham - Koenig, Clive Oxende	Oxford, 2014	ebook	Tiếng Anh 5	ENG2105	Học kỳ 3A	Kho GT
37	Improve your Skills - Listening & Speaking for IELTS 4.5-6.0: (Units 1-5)	Cusack, B. & McCarter, S.	Macmillan Press, 2014	ebook	Tiếng Anh 5	ENG2105	Học kỳ 3A	Kho GT

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
38	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 5	ENG2105	Học kỳ 3A	17751
39	American English File 3 (2nd ed.): (Files 7-10) (WB + SB)	Christina Latham - Koenig, Clive Oxende	Oxford, 2014	ebook	Tiếng Anh 6	ENG2106	Học kỳ 3B	Kho GT
40	Improve your Skills - Listening & Speaking for IELTS 4.5-6.0: (Units 6-10)	Cusack, B. & McCarter, S.	Macmillan Press, 2014	ebook	Tiếng Anh 6	ENG2106	Học kỳ 3B	Kho GT
41	Language leader/ New language leader - Intermediate	David Cotton, David Falvey, Simon Kent	Pearson, 2014	3 bản	Tiếng Anh 6	ENG2106	Học kỳ 3B	17751
42	Principles of Microeconomics 9e	Gans, J., King, S., Byford, M.,	Cengage Learning Australia Pty Limited, 2018	ebook	Kinh tế vi mô	ECO1101	Học kỳ 1B	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		& Mankiw, G.						
43	Microeconomics 11e	Colander, D. C	McGraw-Hill Education, 2020, New York,	ebook	Kinh tế vi mô	ECO1101	Học kỳ 1B	file
44	Principles of Microeconomics 3e	Shapiro, D., Macdonald, D., Greenlaw, S. A	Rice University. OpenStax, 2022, Texas	ebook	Kinh tế vi mô	ECO1101	Học kỳ 1B	file
45	Kinh tế vi mô	Lê Bảo Lâm chủ biên ; Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ	Kinh tế, 2013	1 bản	Kinh tế vi mô	ECO1101	Học kỳ 1B	17121
46	Kinh tế vĩ mô	N.G. Mankiw	Hồng Đức, 2023		Kinh tế vĩ mô	ECO1102	Học kỳ 2A	MM
47	Principles of Macroeconomics 3e	David shapiro, Daniel	Rice University. OpenStax	ebook	Kinh tế vĩ mô	ECO1102	Học kỳ 2A	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		macdonald, Steven a. greenlaw	, 2022, Texas					
48	Kinh tế vĩ mô : Dành cho sinh viên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh	Nguyễn, Minh Tuấn	Đại học Quốc gia TP. HCM, 2010	8 bản	Kinh tế vĩ mô	ECO1102	Học kỳ 2A	15172
49	Kinh tế vĩ mô: Phần nhập môn	Dương, Tân Diệp	Thống kê, 2007	9 bản	Kinh tế vĩ mô	ECO1102	Học kỳ 2A	1702
50	Kinh tế học	David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch ; Trần Phú Thuyết hiệu đính	Thống Kê, 2008	Ebook, 4 bản	Kinh tế vĩ mô	ECO1102	Học kỳ 2A	2421
51	Giáo trình quản lý học (Tái bản lần thứ 6)	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà	Đại học Kinh tế quốc dân, 2018		Khoa học quản lý	REE1108	Học kỳ 2B	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
52	Principles of Management	David S. Bright, Anastasia H. Cortes, Donald G. Gardner, et al.	Openstax, Rice University, 2019, Texas	ebook	Khoa học quản lý	REE1108	Học kỳ 2B	file
53	Nguyên lý marketing (Tái bản lần thứ 17)	Philip Kotler, Gary Amstrong	Đại học Kinh tế quốc dân, 2023		Marketing Căn Bản	MKT1101	Học kỳ 3A	MM
54	Principles of Marketing: eighth European edition	Philip Kotler, Lloyd C Harris, Gary Armstrong, Hongwei He	Pearson, 2020, United Kingdom	ebook	Marketing Căn Bản	MKT1101	Học kỳ 3A	file
55	Nguyên lý kế toán	Lâm Thị Hồng Hoa, Vũ Quốc Thông, Lê Phương Dung	UEF, 2019	ebook	Nguyên lý kế toán	ACC1101	Học kỳ 4B	Kho GT

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
56	Nguyên lý kế toán.- Tái bản lần thứ 7	Võ Văn Nhị chủ biên...[và những người khác]	Phương Đông, 2012	8 bản	Nguyên lý kế toán	ACC1101	Học kỳ 4B	16005
57	Nguyên lý kế toán	Trần Đình Phụng chủ biên...[và những người khác].	Phương Đông, 2011	8 bản	Nguyên lý kế toán	ACC1101	Học kỳ 4B	15444
58	Fundamental accounting principles	John J. Wild, Ken W. Shaw, Barbara Chiappetta	McGraw-Hill , 2013, New York	3 bản	Nguyên lý kế toán	ACC1101	Học kỳ 4B	17356
59	English for everyone course book level 2 Business English	Victoria Boobyer, Tim Bowen, Professor Susan Barduhn	Dorling Kindersley Limited A Penguin Random House Company ,	ebook	Nhập môn Tiếng Anh kinh doanh	BUS1127E	Học kỳ 4A	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			2020, London,					
60	Oxford Business English Dictionary		Oxford University Press, 2005, China	3 bản	Nhập môn Tiếng Anh kinh doanh	BUS1127E	Học kỳ 4A	2015
61	International Business: Competing in the global market, 13 th Edition	Charles W.L. Hill	McGraw-Hill Education, 2021	ebook	Kinh doanh trong môi trường toàn cầu	DEC1201E	Học kỳ 5B	Kho GT
62	The Cultural Dimension of Global Business, 8 th Edition	Gary P. Ferraro & Elizabeth K. Briody	Routledge, 2017		Kinh doanh trong môi trường toàn cầu	DEC1201E	Học kỳ 5B	MM
63	International business in the digital age Global strategies in a world of national institutions	Klaus E. Meyer et al	2023		Kinh doanh trong môi trường toàn cầu	DEC1201E	Học kỳ 5B	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
64	Cơ sở dữ liệu	Ngô Văn Công Bằng	UEF, 2021	ebook	Cơ sở dữ liệu	ITE1207	Học kỳ 5B	Kho GT
65	Fundamentals of Database System, 7nd Edition	Ramez Elmasri, Shamkant Navathe	Addison-Wesley, 2016	ebook	Cơ sở dữ liệu	ITE1207	Học kỳ 5B	23536
66	Human Resource Management, 16 th edn	Gary Dessler	Pearson Education Inc., 2020, New York	ebook	Quản trị nguồn nhân lực	MGT1110E	Học kỳ 5B	file
67	Fundamentals of Human Resource Management, fifth edition, global edition	Gary Dessler	Pearson, 2020, United Kingdom	ebook	Quản trị nguồn nhân lực	MGT1110E	Học kỳ 5B	file
68	Giáo trình quản trị nguồn nhân lực	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân & ThS. Nguyễn Văn Điểm	Đại Học Kinh Tế Quốc Dân, 2014	ebook	Quản trị nguồn nhân lực	MGT1110E	Học kỳ 5B	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
69	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Tăng Mỹ Sang	UEF, 2017	ebook	Quản trị tài chính	FIN1139	Học kỳ 5A	Kho GT
70	Corporate finance	Stephen A. Ross, Randolph W. Westerfield, Jeffrey Jaffe	McGraw-Hill/Irwin, 2013, New York	ebook	Quản trị tài chính	FIN1139	Học kỳ 5A	Kho GT
71	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	Trần, Ngọc Thơ chủ biên	Thống kê, 2007	8 bản, ebook	Quản trị tài chính	FIN1139	Học kỳ 5A	17652
72	Principles of corporate finance	Richard A. Brealey, Stewart C. Myers, Franklin Allen	McGraw-Hill/Irwin, 2011, New York	1 bản	Quản trị tài chính	FIN1139	Học kỳ 5A	17367
73	<i>Principles Of Managerial Finance</i>	Gitman, Lawrence J and Chad J Zutter	Boston: Pearson Prentice Hall, 2012	ebook	Quản trị tài chính	FIN1139	Học kỳ 5A	65754

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
74	Introduction to Digital Economy, 2 th Edition	Harald Overby & Jan Aril Andestad	Springer, 2018		Nhập môn kinh tế số	DEC1102	Học kỳ 4B	MM
75	Digital Economy, Energy, and Sustainability: Opportunities and Challenges. Green Energy and Technology	Mohammed El Amine Abdelli, Muhammad Shahbaz	Springer, 2023, Switzerland	ebokk	Nhập môn kinh tế số	DEC1102	Học kỳ 4B	file
76	E-commerce 2021-2022, business, technology, society, 17th ed., global edition	Kenneth C. Laudon, Carol G. Traver	Pearson, 2022, United Kingdom	ebook	Thương mại điện tử	BUS1104E	Học kỳ 6A	file
77	Electronic Commerce 2018: A Managerial and Social Networks Perspective: Ninth Edition	Ting-Peng Liang; Deborrah C. Turban,	Springer International Publishing, 2018	ebook	Thương mại điện tử	BUS1104E	Học kỳ 6A	25979
78	International Economics 13 th Ed.	D. Salvatore,	John Wiley & Sons Inc., 2020, New York.	ebook	Kinh tế quốc tế	ECO1103E	Học kỳ 6A	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
79	The new global roadmap : enduring strategies for turbulent times	Ghemawat Pankaj	Havard Business Review Press, 2018, Boston Massachusetts	1 bản	Kinh tế quốc tế	ECO1103E	Học kỳ 6A	19863
80	Giáo trình pháp luật về chủ thể kinh doanh (Tái bản lần 1, có sửa đổi và bổ sung)	Bùi Xuân Hải (Chủ biên)	Hồng Đức, 2019	8 bản	Luật và đạo đức trong kinh doanh	REE1201	Học kỳ 4B	Kho GT
81	Giáo trình quản lý học (Tái bản lần thứ 6)	Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà	Đại học Kinh tế quốc dân, 2018		Luật và đạo đức trong kinh doanh	REE1201	Học kỳ 4B	MM
82	Global Investing: A Practical Guide to the World's Best Financial Opportunities	Darrin Erickson	Wiley, 2023, New Jersey.	ebook	Đầu tư quốc tế	IBU1101	Hoc kỳ 6B	file
83	Foreign Direct Investments: Concepts, Methodologies, Tools, and Applications	Information Resources Management	IGI Global, 2020, USA	ebook	Đầu tư quốc tế	IBU1101	Hoc kỳ 6B	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		Association USA						
84	A guide to the Project Management Body of Knowledge, 7th Edition	Project Management Institute	PMBOK PMI, 2021	ebook	Quản trị dự án	MGT1113E		file
85	Project management: best practices: Achieving global excellence	Kerzner, H.	Wiley, 2024, New Jersey	ebook	Quản trị dự án	MGT1113E		file
86	Management Information Systems	Kenneth C. Laudon, Jane P. Laudon	Pearson Publisher, 2013	ebook	Hệ thống thông tin quản lý	ITE1129E	Hoc kỳ 6B	65659
87	Enterprise Resource Planning and Business Intelligence Systems for Information Quality: An Empirical Analysis in the Italian Setting	Carlo Caserio, Sara Trucco,	Springer International Publishing AG, part of Springer Nature, 2018	ebook	Hệ thống thông tin quản lý	ITE1129E	Hoc kỳ 6B	24360
88	Introduction to Information Systems	James A. O'Brien, George M. Marakas	McGraw-Hill/Irwin Publisher, 2010	ebook	Hệ thống thông tin quản lý	ITE1129E	Hoc kỳ 6B	25712

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
89	Artificial Intelligence: A Modern Approach, 4 th Edition, Global Edition	Stuart Russell & Peter Norvig	Pearson, 2022	ebook	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Kinh tế	DEC1103E	Học kỳ 7A	file
90	Applied Artificial Intelligence: A hand book for business leader	Mariya Yao & et al	Topbots Inc, 2018		Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Kinh tế	DEC1103E	Học kỳ 7A	MM
91	Artificial Intelligence and Economics: the Key to the Future (Vol. 523).	Marino, D., & Monaca, M. (Eds.).	Springer, 2022	ebook	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Kinh tế	DEC1103E	Học kỳ 7A	file
92	Artificial Intelligence in Business. International Journal of Engineering Research and Advanced Technology (IJERAT), Volume.6, Issue 7	Matthew N. O. Sadiku & et al	2020		Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Kinh tế	DEC1103E	Học kỳ 7A	MM
93	Fintech in a flash – Financial technology made easy, Third Edition	Agustin Rubinin	Walter de Gruyter Inc.,	ebook	Tài chính số	DEC1104E	Học kỳ 7A	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			Boston/Berlin , 2019					
94	Fintech and the future of Finance – Market and policy implication	Erik Feyen et al	World Bank., 2023		Tài chính số	DEC1104E	Học kỳ 7A	MM
95	Driving Digital Strategy: A Guide to Reimagining Your Business	Sunil Gupta	Harvard Business Press, 2018, Boston	3 bản	Vận hành kinh doanh số	DEC1105E	Học kỳ 7B	19823
96	Digital Business Models: Concepts, Models, and the Alphabet Case Study	Bernd W. Wirtz	Springer Nature, 2019, Switzerland	ebook	Vận hành kinh doanh số	DEC1105E	Học kỳ 7B	22886
97	Digital marketing strategy: an integrated approach to online marketing, 2 nd edition	Simon Kingsnorth	Kogan Page Publishers, 2019, New York	ebook	Truyền thông và tiếp thị số	DEC1106E	Học kỳ 7B	file
98	Marketing strategy in the digital age: applying Kotler's strategies to digital marketing	Kotler, M., Cao, T., Wang, S., & Qiao, C.	World Scientific, 2020, Singapore	ebook	Truyền thông và tiếp thị số	DEC1106E	Học kỳ 7B	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
99	Digital Citizenship Handbook	Council of Europe	2019 Jan		Công dân số	DEC1107E	Học kỳ 6B	MM
100	Tương lai nền kinh tế số Việt Nam - Hướng tới năm 2030 và 2045	Cameron A, Pham T H, Atherton J, Nguyen D H, Nguyen T P, Tran S T, Nguyen T N & Trinh H Y. Hajkowicz S	CSIRO, Brisbane., 2019		Công dân số	DEC1107E	Học kỳ 6B	MM
101	Global marketing; tenth edition, global edition.	Mark C. Green, Warren J. Keegan	Pearson, 2020, United Kingdom	ebook	Quản trị marketing toàn cầu	IBU1103E	Học kỳ 7A	file
102	Marketing: An Introduction, fifteenth edition Global Edition	Gary Armstrong, Philip Kotler	Pearson, 2023, United Kingdom	ebook	Quản trị marketing toàn cầu	IBU1103E	Học kỳ 7A	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
103	Global Strategic Management	Philippe Lasserre & Felipe Monteiro	Bloomsbury Academic, 2023, New York		Quản trị chiến lược toàn cầu	IBU1104E	Học kỳ 7A	MM
104	Global strategic management	Philippe Lasserre & Felipe Monteiro	Bloomsbury Academic, 2022, New York		Quản trị chiến lược toàn cầu	IBU1104E	Học kỳ 7A	MM
105	Digital Government and Transformation, 4 th Edition	Asian and Pacific training center for Information and communication technology for development	United Nations, 2021		Chính phủ số	DEC1108E	Học kỳ 7B	MM
106	Digital Government and Achieving E-Public Participation: Emerging Research and Opportunities: Emerging Research and Opportunities	Rodríguez Bolívar, M. P., & Cortés Cediel, M. E. (Eds.).	IGI Global, 2020, USA	ebook	Chính phủ số	DEC1108E	Học kỳ 7B	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
107	Digital Business Models: Concepts, Models, and the Alphabet Case Study, First Edition	Bernd W. Wirtz.	Springer Nature Switzerland AG, 2019	ebook	Mô hình kinh doanh trong môi trường số	DEC1109E	Học kỳ 7B	22886
108	Business Model Management: Design - Process - Instruments. Second Edition	Bernd W. Wirtz	Springer Nature Switzerland AG, 2020		Mô hình kinh doanh trong môi trường số	DEC1109E	Học kỳ 7B	MM
109	Digital Transformation Now! Guiding the Successful Digitalization of Your Business Model. First edition	Daniel R. A. Schallmo và Christopher A. Williams	Springer Nature Switzerland AG, 2018		Mô hình kinh doanh trong môi trường số	DEC1109E	Học kỳ 7B	MM
110	Hướng dẫn Chuyển đổi số cho doanh nghiệp tại Việt Nam: Chương trình Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021 – 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phối hợp Dự án USAID LinkSME thực hiện				Mô hình kinh doanh trong môi trường số	DEC1109E	Học kỳ 7B	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
111	Cẩm nang chuyển đổi số		Bộ Thông Tin và Truyền Thông, 2020		Mô hình kinh doanh trong môi trường số	DEC1109E	Học kỳ 7B	MM
112	Tài liệu hướng dẫn đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp dành cho sinh viên các trường đại học, Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” theo Quyết định số 1665/QĐ-TTg		Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, 2018		Mô hình kinh doanh trong môi trường số	DEC1109E	Học kỳ 7B	MM
113	Project Design 1	UEF	UEF, 2018	Ebook	Project Design 1	SKI1107	Học kỳ 2B	65601
114	Xây dựng nhóm hiệu quả: 50 hoạt động đơn giản và thiết thực để đạt kết quả nhanh chóng	Brian Cole Miller; Hải Ninh dịch	Lao động - Xã hội, 2011	8 bản	Project Design 1	SKI1107	Học kỳ 2B	15601
115	The fine art of the big talk: Bí quyết chinh phục khách hàng, thuyết trình thành công và giải quyết mâu thuẫn trong công việc	Debra Fine; Minh Hạnh dịch; Trần Vũ Nhân hiệu đính	Lao động - Xã hội, 2009	8 bản	Project Design 1	SKI1107	Học kỳ 2B	12436

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
116	Project Design 2	UEF	UEF, 2018	ebook	Project Design 2	SKI1108	Học kỳ 3A	65602
117	Sáng tạo và đổi mới. Tập 1, Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới	Phan Dũng	Trẻ, 2010	ebook	Project Design 2	SKI1108	Học kỳ 3A	14496
118	Harvard business review on business model innovation		Harvard Business School Pub., 2010, Boston, MA	1 bản	Project Design 2	SKI1108	Học kỳ 3A	16709
119	Getting innovation right: how leaders leverage inflection points to drive success	Seth Kahan	Jossey-Bass, 2013, San Francisco	1 bản	Project Design 2	SKI1108	Học kỳ 3A	17636
120	How to be a Global Citizen: Be Informed. Get Involved	Dorling Kindersley	Dorling Kindersley Ltd, 2021	ebook	Công dân toàn cầu	REE1109	Học kỳ 5A	file
121	The Global Citizenship Nexus: Critical Studies	Chapman, D. D., Ruiz-Chapman,	Routledge, 2020	ebook	Công dân toàn cầu	REE1109	Học kỳ 5A	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
		T., & Eglin, P. (Eds.)						
122	Entrepreneurship	Michael Lavery, Chris Littel	OpenStax, Rice University, 2020, Texas	ebook	Khởi nghiệp	REE1110	Học kỳ 6A	file
123	Entrepreneurship: The art, science, and process for success	Bamford, C. E., & Bruton, G. D.	McGraw-Hill Education, 2022	ebook	Khởi nghiệp	REE1110	Học kỳ 6A	file
124	Entrepreneurship: Successfully Launching New Ventures, 6th edition, global edition	Bruce R. Barringer, R. Duane Ireland	Pearson Education Limited, 2019, United Kingdom	ebook	Khởi nghiệp	REE1110	Học kỳ 6A	file
125	The SAGE handbook of small business and entrepreneurship	Blackburn, R., De Clercq, D., & Heinonen, J. (Eds.).	Sage, 2018, California	ebook	Khởi nghiệp	REE1110	Học kỳ 6A	file
126	Intercultural communication	Khoa Tiếng Anh tổng hợp	UEF, 2021	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 7A hoặc &7B	Kho GT

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
127	Countries and Their Cultures, Volume 1: Afghanistan to Czech Republic	Ember, M., & Ember, C., R.	MacMillan Reference USA, 2001, New York	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 7A hoặc &7B	24064
128	Countries and Their Cultures, Volume 2: Denmark to Kyrzyzstan	Ember, M., & Ember, C., R.	MacMillan Reference USA, 2001, New York.	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 7A hoặc &7B	39797
129	Countries and Their Cultures, Volume 4: Saint Kitts and Nevis to Zimbabwe	Ember, M., & Ember, C., R.	MacMillan Reference USA, 2001, New York	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 7A hoặc &7B	25597
130	Countries and Their Cultures, Volume 3: Laos to Rwanda	Ember, M., & Ember, C., R.	MacMillan Reference USA, 2001, New York	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 7A hoặc &7B	22939
131	Intercultural communication: A reader (12 th ed.)	Samovar, L.A., Porter, R.E., & McDaniel, E.R.	Cengage, Boston, 2015, USA	ebook	Giao tiếp liên văn hóa	ENC1121	Học kỳ 7A hoặc &7B	22842

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
132	Tập bài đọc Lịch sử văn minh thế giới	Đào Minh Hồng	UEF, 2021	ebook	Văn minh nhân loại	IRE1138	Học kỳ 7A hoặc &7B	File
133	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh (chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, 2016	ebook	Văn minh nhân loại	IRE1138	Học kỳ 7A hoặc &7B	65630
134	Almanach những nền văn minh thế giới		Văn hoá thông tin, 2007	1 bản	Văn minh nhân loại	IRE1138	Học kỳ 7A hoặc &7B	22193
135	The Fourth Industrial Revolution	Klaus Schwab	World Economic Forum, 2016, Switzerland	ebook	Văn minh nhân loại	IRE1138	Học kỳ 7A hoặc &7B	66501
136	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	TS. Phan Huy Hồng	Hồng Đức, 2016	ebook	Luật thương mại	LAW1111	Học kỳ 7A hoặc &7B	Kho GT
137	Giáo trình luật thương mại. T.1 + T.2	Trường Đại học Luật Hà Nội - Hà Nội	Công an Nhân dân, 2009	16 bản	Luật thương mại	LAW1111	Học kỳ 7A hoặc &7B	14631 - 14632
138	Luật thương mại: các văn bản hướng dẫn thi hành và 240 câu hỏi - đáp luật thương mại	Ngô, Quỳnh Hoa	Lao động Xã hội, 2006	3 bản, ebook	Luật thương mại	LAW1111	Học kỳ 7A hoặc &7B	1723

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
139	Luật thương mại: Số: 36/2005/QH11, Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2005	Quốc hội	Quốc hội Việt Nam, 2005	ebook	Luật thương mại	LAW1111	Học kỳ 7A hoặc &7B	24978
140	An introduction to economic geography: globalization, uneven development and place, third edition	MacKinnon, D., & Cumbers, A.	Routledge, 2019, New York	ebook	Địa lý kinh tế thế giới	ECO1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	file
141	The new Oxford handbook of economic geography	Clark, G. L., Feldman, M. P., Gertler, M. S., & Wójcik, D. (Eds.).	Oxford University Press, 2018, United Kingdom	ebook	Địa lý kinh tế thế giới	ECO1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	file
142	Economic geography: a contemporary introduction	Coe, N. M., Kelly, P. F., & Yeung, H. W.	John Wiley & Sons, 2019	ebook	Địa lý kinh tế thế giới	ECO1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	file
143	Thế giới phẳng - Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ XXI	Thomas L. Friedman	Trẻ, 2019	ebook	Địa lý kinh tế thế giới	ECO1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
144	Nhật Bản - Đất nước và con người	Eiichi Aoki	Hồng Đức, 2021		Đất nước học Nhật Bản	JPN1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	file
145	Văn hóa Nhật Bản	Viện văn hóa Nhật Bản	Thế giới, 2021		Đất nước học Nhật Bản	JPN1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
146	Bốn mùa trên xứ Phù Tang	Nguyễn Chí Linh	Tổng hợp TP.HCM, 2018		Đất nước học Nhật Bản	JPN1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
147	Lịch sử tư tưởng Nhật Bản	Thích Thiên Ân	Hồng Đức, 2018		Đất nước học Nhật Bản	JPN1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
148	Tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc	Nguyễn Trường Tân	Văn hóa - Thông tin, 2018		Văn hóa truyền thống Hàn Quốc	KOR1147	Học kỳ 7A hoặc &7B	File
149	Đối thoại với các nền văn hóa- Trung Quốc	Trịnh Huy Hóa	Trẻ, 2004	ebook	Đất nước học Trung Quốc	CHI1122	Học kỳ 7A hoặc &7B	Kho GT
150	Đất nước học Trung Quốc = 中国概况	Vương Thuận Hồng = 王顺洪	Đại học Bắc Kinh, 1994		Đất nước học Trung Quốc	CHI1122	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
151	Hoạch định tài chính cá nhân		UEF	ebook	Quản lý tài chính cá nhân	FIN1152	Học kỳ 7A hoặc &7B	File
152	Personal Financial Planning, 12th edition	Lawrence J. Gitman, Michael D. Joehnk	Cengage Learning, 2011, South-Western	ebook	Quản lý tài chính cá nhân	FIN1152	Học kỳ 7A hoặc &7B	66507
153	Personal Finance- An intergrated planning approach, 6-th edition	Bernard J. Winger, Ralph R. Frasca	Pearson College Div; 2002		Quản lý tài chính cá nhân	FIN1152	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
154	Leadership: Theory and practice, 7 th edn	Peter G. Northouse	SAGE Publications, 2016	ebook	Nghệ thuật lãnh đạo	HRM1111	Học kỳ 7A hoặc &7B	Kho GT
155	The Essentials of leadership in Governemnt: Understanding the basics, 2 nd edn	Darryl Plecas, Colette Squires, and Len Garis	University of the Fraser Valley, 2018		Nghệ thuật lãnh đạo	HRM1111	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
156	Tâm lý quản lý và nghệ thuật lãnh đạo	Lê Văn Lập	Lao Động, 2011	8 bản, ebook	Nghệ thuật lãnh đạo	HRM1111	Học kỳ 7A hoặc &7B	15799

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
157	Nghệ thuật học	Nguyễn Văn Khang	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001		Nghệ thuật học cơ bản	GPD1135	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
158	Giáo trình lịch sử nghệ thuật (Tập 1 và 2)	Đặng Thái Hoàng, Nguyễn Văn Đình, Nguyễn Đình Thi,...	Trường Đại học Xây Dựng, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, 2018		Nghệ thuật học cơ bản	GPD1135	Học kỳ 7A hoặc &7B	file
159	Nghệ thuật là gì? Làm thế nào để hiểu tranh và ảnh?	Đặng Thị Bích Ngân (biên soạn theo Maria Carla Prette và Alfolso De Giorgie	Văn hóa Thông tin, 2005		Nghệ thuật học cơ bản	GPD1135	Học kỳ 7A hoặc &7B	File
160	Mỹ thuật học đại cương	Nguyễn Xuân Tiên	Thông tin và Truyền thông, 2014		Nghệ thuật học cơ bản	GPD1135	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
161	Bài giảng Phân tích dữ liệu ứng dụng		UEF	ebook	Phân tích dữ liệu ứng dụng	DAS1124	Học kỳ 7A hoặc &7B	File

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
162	Hướng dẫn chuyển đổi số cho doanh nghiệp tại Việt Nam		2016		Nhập môn chuyển đổi số	DAS1125	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
163	Shaping the Digital Enterprise: Trends and Use Cases in Digital Innovation and Transformation	Gerhard Oswald, Michael Kleinemeier	Springer, International Publishing Switzerland, 2017	ebook	Nhập môn chuyển đổi số	DAS1125	Học kỳ 7A hoặc &7B	66508
164	Giáo trình Tâm lý học		UEF, 2020	ebook	Tâm lý giao tiếp	PSY1103	Học kỳ 7A hoặc &7B	Kho GT
165	Tâm lý học	Nguyễn Ánh Hồng	Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 2015		Tâm lý giao tiếp	PSY1103E	Học kỳ 7A hoặc &7B	file
166	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022		Tâm lý giao tiếp	PSY1103E	Học kỳ 7A hoặc &7B	file
167	Bài tập thực hành Tâm lý học	Trần Trọng Thủy	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002		Tâm lý giao tiếp	PSY1103E	Học kỳ 7A hoặc &7B	file

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
168	Tạo dựng thương hiệu cá nhân	Dawn Graham	Lao động, 2019		Nghệ thuật xây dựng hình ảnh cá nhân chuyên nghiệp	HMM1137	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
169	Văn hóa các nước Đông Nam Á: Giáo trình lưu hành nội bộ	Tổng hợp	UEF, 2019	ebook	Văn hoá các nước Đông Nam Á	SOS1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	Kho GT
170	Southeast Asian Culture and Heritage in a Globalising World: Diverging Identities in a Dynamic Region (Heritage, Culture and Identity)	Rahil Ismail, Brian J. Shaw, Ooi Giok Ling	ASHGATE, 2009	ebook	Văn hoá các nước Đông Nam Á	SOS1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	22910
171	Routledge handbook of Southeast Asian development	Andrew McGregor, Lisa Law, Fiona Miller	Routledge, 2018, New York	ebook	Văn hoá các nước Đông Nam Á	SOS1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	66379
172	Asian Cultural Flows: Cultural Policies, Creative Industries, and Media Consumers	Nobuko Kawashima, Hye-Kyung Lee	Springer, 2018, Singapore	ebook	Văn hoá các nước Đông Nam Á	SOS1108	Học kỳ 7A hoặc &7B	66356

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
173	Presentation Patterns: A Pattern Language for Creative Presentations	Takashi Iba	CreativeShift Lab, 2018	ebook	Thuyết trình sáng tạo	ADS1101	Học kỳ 7A hoặc &7B	Kho GT
174	Nghệ thuật nói trước công chúng	Dale Carnegie	Dân trí, 2019		Thuyết trình sáng tạo	ADS1101	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
175	Thuật thuyết trình - nói sao để gây ấn tượng và tạo ảnh hưởng	Miranda Harry	Trẻ, 2020		Thuyết trình sáng tạo	ADS1101	Học kỳ 7A hoặc &7B	MM
176	Giáo trình thể dục thể hình – thẩm mỹ	Nguyễn Anh Tuấn	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Tp.HCM, 2009	Ebook	Thể hình thẩm mỹ 1	GYM1341	Học kỳ 3B	25458
177	Giáo trình thể dục thể hình – thẩm mỹ	Nguyễn Anh Tuấn	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Tp.HCM, 2009	Ebook	Thể hình thẩm mỹ 2	GYM1342	Học kỳ 4A	25458
178	Giáo trình thể dục thể hình – thẩm mỹ	Nguyễn Anh Tuấn	Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể	Ebook	Thể hình thẩm mỹ 2	GYM1343	Học kỳ 4B	25458

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, Năm xuất bản, nước	Số bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian áp dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
			thao Tp.HCM, 2009					
179	Giáo dục quốc phòng - an ninh (Giáo trình) Tập 2	Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Tiến Hải, Nguyễn Hữu Hải...	Giáo dục VN, 2016	Ebook	Giáo dục quốc phòng – an ninh	MIL1203	Học kỳ 4B	Kho GT
180	Giáo dục quốc phòng - an ninh	UEF	UEF, 2021	ebook	Giáo dục quốc phòng – an ninh	MIL1203	Học kỳ 4B	65492

2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất

Bên cạnh các cơ sở vật chất đã có sẵn, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành Phố Hồ Chí Minh đang tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới cũng như mua sắm thêm nhiều thiết bị khác để phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Cán bộ - giảng viên - nhân viên, người học một các hiệu quả nhất tương xứng với yêu cầu đào tạo theo mô hình chuẩn quốc tế; đảm bảo đủ phòng học để giảng dạy và học tập.

Trường đã điều chỉnh xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2020-2025 được thể hiện trong Quyết định số 28/QĐ-HĐT ngày 09 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng trường, Đầu tư cơ sở vật chất là chiến lược thành phần Trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể:

Mục tiêu: Phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, phù hợp và đồng bộ với quy mô, đặc điểm đào tạo, nghiên cứu khoa học.

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học tương xứng với yêu cầu đào tạo theo mô hình chuẩn quốc tế.

Đảm bảo đủ phòng học để giảng dạy và học tập, xây dựng và hoàn thiện các khu vực luyện tập thể dục thể thao, giải trí, văn hóa nghệ thuật. Hoàn thiện và đảm bảo có đủ phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng mô phỏng cho các môn học có nhu cầu. Quy hoạch, nâng cấp, hoàn thiện thư viện theo hướng tập trung, hiện đại.

Triển khai đầu tư xây dựng Trường tại Dự án Khu Nam – xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh. Trên cơ sở đó, thực hiện quá trình hiện đại hóa cơ sở vật chất – trang thiết bị dạy và học để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hội nhập với hệ thống giáo dục hiện đại., tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng của Trường tại Khu Nam – xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Tp. HCM. Các hạng mục được ưu tiên triển khai gồm khu giảng đường, khu hành chính, khu thể dục thể thao, thư viện, các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng mô phỏng, khu dịch vụ và ký túc xá cho sinh viên,...

Trang bị hệ thống trang thiết bị hiện đại cho giảng đường, thư viện, các phòng máy tính, phòng thực hành, phòng mô phỏng,... để đảm bảo kết hợp tốt giữa lý thuyết và thực hành đồng thời rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu, quản lý điều hành và phục vụ mọi hoạt động của Trường.

Ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào tất cả các khâu giảng dạy, học tập, thư viện, phòng thực hành, hệ thống quản lý, kết nối nội bộ, quan hệ bên ngoài. Chú trọng đặc biệt đến phương thức đào tạo.

Stt	Nội dung	2022-2023	2023-2024	2024-2025
-----	----------	-----------	-----------	-----------

1	Hội trường, giải đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	39.050,92	43.890,86	43.890,86
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1.715,32	1.715,32	1.715,32
1.2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	8.177,96	8.487,44	8.487,44
1.4	Phòng học dưới 50 chỗ	13.393,08	13.771,94	13.771,94
1.5	Phòng học đa phương tiện	855,00	1.083,90	1.083,90
1.6	Phòng làm việc giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	14.909,56	18.832,26	18.832,26
2	Thư viện, trung tâm học liệu	4.120,76	4.120,76	4.120,76
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập	6.924,33	9.899,33	9.899,33
Tổng cộng		50.095,92	57.910,86	57.910,86

VI. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh luôn trú trọng trong công tác nghiên cứu khoa học trong cán bộ - giảng viên – nhân viên và người học, Kết quả đạt được trong năm học 2022-2023: 10 bài báo đăng tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ISI; 17 bài báo đăng tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus; 01 bài báo khoa học đăng Kỷ yếu Hội thảo khoa học trong nước; 13 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được nghiệm thu và cấp quyết định công nhận.

Phối hợp với Cục công tác phía Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức 03 Hội thảo khoa học cấp quốc gia; Xây dựng hệ thống đối tác toàn diện với nhiều bên có liên quan để dễ dàng chuyển giao công nghệ, thực hiện các đề tài nghiên cứu.

Thường xuyên mở các lớp hướng dẫn viết công bố quốc tế cho các ngành; Xây dựng cơ chế khích lệ hợp lý đối với CB – GV – NV có công bố quốc tế trên các tạp chí uy tín có trong danh sách chỉ mục bởi ISI và Scopus; Tăng cường tổ chức các hội thảo khoa học, tăng cường hợp tác quốc tế, hợp tác với các Viện, các trường đại học, các Sở Khoa học công nghệ ở địa phương.

Xây dựng hệ thống KPI đối với từng chức danh từng bước đưa NCKH vào thực tế và được CB – GV – NV tích cực tham gia; Thường xuyên tổ chức và nâng cao chất lượng các hội thảo quốc tế, trong nước do nhà trường tổ chức; Khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học các cấp.

Kết quả nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật phần mềm.

Bảng 15. Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Bảng 16. Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo

VII. HỢP TÁC DOANH NGHIỆP VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

1. Hợp tác doanh nghiệp

Trải qua hơn 16 năm xây dựng và phát triển, với chủ trương xây dựng một trường đại học chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM luôn luôn coi trọng hợp tác liên kết với các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội, coi đây như là lợi thế của nhà trường trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và giải quyết việc làm cho sinh viên.

Nhà trường đã liên kết toàn diện với một số doanh nghiệp trong việc thiết kế và quản lý chương trình đào tạo, tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, thực tập thực tế và phối hợp giải quyết việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nhà trường thường xuyên kết hợp với doanh nghiệp tổ chức hội chợ việc làm, các chương trình tuyển dụng, dịch vụ tư vấn việc làm cho sinh viên nhằm giúp sinh viên nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp và tạo nhiều cơ hội việc làm cho sinh viên.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tổ chức các hoạt động phối hợp với các khoa chuyên ngành tổ chức mời doanh nghiệp tham gia các tiết học thực tế trong tất cả các môn học.

Ký kết hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực Kinh tế về việc thực tập, kiến tập, tham quan doanh nghiệp, tài trợ và cử chuyên viên, quản lý từ doanh nghiệp đến chia sẻ với sinh viên UEF.

Tổ chức Lễ ký kết hợp tác và Toạ đàm doanh nghiệp đồng hành cùng UEF năm 2023 với các doanh nghiệp tham gia thuộc lĩnh vực Kinh tế

STT	DOANH NGHIỆP/ CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
1	Công ty Cổ phần Bất động sản La Bàn	22 đường số 34, Quận 2, TP.HCM
2	Công ty Cổ phần Sài Gòn Triển Vọng - SAVISTA	163 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
3	Trung tâm Đào tạo Smart Train	Lầu 9, Giầy Việt Plaza, 180 - 182 Lý Chính Thắng, Quận 3, TP.HCM
4	Công ty Cổ phần Đầu tư RIM	23 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, Q. 1, TP.HCM

STT	DOANH NGHIỆP/ CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
5	Công ty Cổ phần Kiến Á	Phòng 312 Tầng 3, Tòa nhà SaiGon Trade Center 37 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Q. 1, TP.HCM
6	Công ty TNHH AEON Việt Nam (AEON Mall)	Số 30 Bờ Bao Tân Thắng, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP.HCM
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản ANZ Homes	Số 1280C2 Lương Định Của, P. An Phú, Q. 2, TP.HCM
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Phúc Khang	Số 51 Ngô Thời Nhiệm, P. 6, Q. 3, TP.HCM
9	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Á Đại Thành	Tòa nhà Tân Á Đại Thành 416 - 418 - 420 Lý Thường Kiệt, P. 7, Q. Tân Bình, TP.HCM
10	Công Ty Cổ Phần Adecco Việt Nam	Tầng 14, tòa nhà Etown Central 11 Đoàn Văn Bơ, P. 12, Q. 4, TP.HCM
11	Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Golden Land	Số 54 Nguyễn Hoàng, P. An Phú, Q. 2, TP.HCM
12	Công Ty TNHH Tư Vấn Phát triển Nguồn Nhân Lực Toàn Cầu (Global Human resource development consulting company limited (Global HRDC))	Tầng 8, Le Meridien Tower 3C Tôn Đức Thắng, P. , Q. 1, TP.HCM
13	Công ty TNHH Một Thành Viên Giao Nhận Gấu Trúc Toàn Cầu	Lầu 4, tòa nhà HDTC 36 Bùi Thị Xuân, P. Bến Thành, Q. 1, TP.HCM
14	Công ty TNHH Savills Vietnam	Tầng 18, Ruby Tower 81-85 Hàm Nghi, P. , Q. 1, TP.HCM
15	Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hóa Phim Chính	Số 3G Phở Quang, P. , Q. Tân Bình, TP.HCM
16	Công ty TNHH Tiếp vận Vận tải Võ Lương	Số 4 Nguyễn Gia Trí , P. 25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
17	Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa Con Thoi (Shuttle Cargo Co.)	Số 351/31 Nơ Trang Long, P. 13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
18	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tổng Công Ty Tân Cảng Sài Gòn	Số 1295 Nguyễn Thị Định, P. Thạnh Mỹ Lợi, Q. 2, TP.HCM
19	Trung Tâm Đào Tạo Xuất Nhập Khẩu Sài Gòn - SIMEX	Số 220/66 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. , Q. Bình Thạnh, TP.HCM

STT	DOANH NGHIỆP/ CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
20	Công Ty Cổ Phần Minh Phương Logistics	Số 33 Trường Sơn, P. 4, Q. Tân Bình, TP.HCM
21	Công ty TNHH Giải pháp quản trị Đông Dương	Prince Residence Tower, khu 1, P.4.54 17-21 Nguyễn Văn Trỗi, P. 12, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
22	Công ty Bảo Việt Sài Gòn	Lầu 1-2, tòa nhà Bảo Việt 233 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q. 1, TP.HCM
23	Công ty TNHH Điều hòa Gree Việt Nam	Lầu 19 Cao ốc Flemington, 182 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, TP Hồ Chí Minh
24	Công ty cổ Phần Sài Gòn Triển Vọng (savista)	173A, Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
25	Công ty TNHH Gia Phát Investment	168/75 Đường Nguyễn Gia Trí, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
26	Tổng Công Ty Cổ Phần Đối Tác Chân Thật	2A Đường Số 5, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
27	Công Ty CP TM Green Ka	1691/3N, Quốc lộ 1A, Khu phố 3, P. AN Phú Đông, Q.12
28	Liên Hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại TPHCM (Saigon Co.op)	199-205 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1
29	Công Ty TNHH Astro Serve Audio Visual	190 Bạch Đằng, P24, Q. Bình Thạnh
30	Công Ty CP Truyền Thông Và Đầu Tư Nam Hương	98 Lâm Văn Bền, P. Tân Kiểng, Q.7
31	Học Viện Quản Trị ESI	20 Đường 8, Khu Phố 4, Phường An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
32	Công Ty TNHH Phần Mềm Long Phát	55/7 Lê Đức Thọ P15 Quận Gò Vấp VPPT : Lầu 3, Số 4 đường số 9, Khu dân cư Cityland Park Hills, P10, Gò Vấp

STT	DOANH NGHIỆP/ CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
33	Công Ty CP Công Nghệ Gostream	Khu liên kề 03, Phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
34	Công Ty TNHH Home Dream	175 Đường Lê Quang Định, Phường 7, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
35	Công Ty CP Edge Up	Số 7 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
36	Công Ty CP Giải Pháp Công Nghệ Top Erp	65 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q.1
37	Công Ty CP Đào Tạo Thực Chiến (TCT)	Tầng 3, Số 302 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
38	Công Ty TNHH Dịch Vụ Và Tư Vấn Minh Kiến An	71/24C Nguyễn Công Hoan, Phường 07, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
39	Công Ty TNHH DKSH Việt Nam	285 Cách mạng tháng 8, P12, Q10
40	Công Ty TNHH Giải Pháp Tiên Khanh	776/22B Nguyễn Kiệm , p4, quận Phú Nhuận, TPHCM
41	Công Ty TNHH The Guardian	
42	Công Ty TNHH Phần Mềm SS4U Express	Tòa nhà TEDI, 15 Hoàng Hoa Thám, p6, quận Bình Thạnh
43	Công Ty TNHH GS 25 Vietnam	138-142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
44	Công Ty TNHH Lf Logistics (Việt Nam)	Lô số 18 L1-2, Đường số 3, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Khu liên hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
45	Công Ty CP Giải Pháp Chuỗi Cung Ứng Smartlog	70 Trường Sa, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	DOANH NGHIỆP/ CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
46	Ngân Hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Cn Gia Định	495-497 an dương vương, p8, q5
47	Công Ty TNHH TM DV XNK Hoàng Đăng Food	71 Trần Huy Liệu, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
48	Công Ty 3W Logistics	số 29 đường Thăng Long, Phường 4, quận Tân Bình
49	Công Ty TNHH Phát Triển Nguồn Nhân Lực Tân Cảng Stc.	1295b Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. Thủ Đức
50	Công Ty TNHH Đầu Tư Hoàng Anh Đà Lạt	Số 10/61 Đào Duy Từ, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
51	Công Ty CP Địa Ốc Phúc Điền	20/7 Bùi Thị Xuân, P.2, Q. Tân Bình
52	Công Ty CP Hana Group	Số 10/61 Đào Duy Từ, Phường 4, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
53	Công Ty TNHH Cadena Việt Nam	Tòa Nhà Aloha, Lầu 2, Số 68 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
54	Công Ty CP Xích Việt - Vietguys Joint Stock Company	96/10C Phan Đình Phùng, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
55	Công ty CP ô tô GMG - Hãng ô tô Dcar	Lô D5, Đường số 1, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.
56	Công ty CP dịch vụ trực tuyến Newtab	132/23 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
57	Công ty TNHH MTV Du lịch Xây dựng Thương mại Phương Nam	15/12, Vĩnh Phú 21, Khu phố Trung, Phường Vĩnh Phú, TP. Thuận An, Bình Dương
58	Công ty CP Trinity Group	Tầng 3, 6 và 7 Toà nhà Mios, 121 Hoàng Hoa Thám, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

STT	DOANH NGHIỆP/ CÔNG TY	ĐỊA CHỈ
59	Công ty CP Naphonet	58 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội
60	Công ty TNHH Juki (Việt Nam)	Lô BE.28-40, đường Tân Thuận và Lô BI.29-33, đường số 6, khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
61	Công ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa	Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh
62	Tạp chí Việt Nam Shipping Gazette (CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ THƯƠNG MẠI LÂM KHẢI HOÀN)	376 Vĩnh Viễn, Phường 8, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
63	Viện Nghiên cứu và Phát triển Logistics Việt Nam - VLI	Lầu 5 Tòa nhà Cảng Sài Gòn, Số 3 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh
64	Công ty TNHH Fujiwa Việt Nam	158/68 Hoàng Hoa Thám, Phường 12, Quận Tân Bình, Tp. HCM
65	Công ty TNHH IQI Việt Nam	5.12 Tầng 5, Cao ốc Newton Residence, Số 38 Trương Quốc Dung, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
66	Công ty CP Giáo dục Quốc tế Ecorp (ECORP)	203 Nguyễn Văn Thương, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
67	Công ty CP Phần mềm ERP ROSY	Floor 6, Gicland Tower , 1B Dien Bien Phu Street, 25 ward, Binh Thanh Distric
68	Công Ty CP Tập Đoàn Sài Gòn Tiến Đoàn (SGTD GROUP)	18 Đường 31D, Phường An Phú, Thành Phố Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh
69	Công ty TNHH Water Bear	20/6 Mai Văn Ngọc, Phường 10 Quận Phú Nhuận, Tp.Hcm

2. Hợp tác quốc tế

Định hướng trở thành một trường đại học Việt Nam có vị thế về chất lượng được quốc tế công nhận, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đã và đang không ngừng thúc

đẩy, kết nối các đối tác quốc tế ở khắp các châu lục trên thế giới. Hợp tác quốc tế đã góp phần tích cực vào quá trình hội nhập quốc tế về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động học thuật của Trường. Thông qua hợp tác quốc tế, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, đào tạo, nghiên cứu khoa học được tăng cường rõ rệt. Hàng năm cán bộ và giảng viên của Trường được cử đi tham dự các hội nghị khoa học và đào tạo ở nước ngoài. Số lượng cán bộ và giảng viên quốc tế đến giảng dạy và học tập tại Trường ngày càng tăng. Trung bình mỗi năm Trường tiếp đón khoảng 15 lượt giảng viên và chuyên gia quốc tế đến giảng dạy, nghiên cứu, học tập và trao đổi. Kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học góp phần không nhỏ vào quá trình thiết lập vị thế của Trường trên bản đồ các cơ sở giáo dục và nghiên cứu khoa học quốc tế. Trong 5 năm gần đây trung bình mỗi năm có nhiều hợp đồng hợp tác quốc tế được ký mới và triển khai.

VIII. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đơn vị phụ trách quản lý ngành đào tạo

Khoa Kinh tế là đơn vị quản lý các hoạt động chuyên môn đối với ngành Kinh tế số trình độ đại học.

Được thành lập từ năm 2017, Khoa Kinh tế có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực khối ngành kinh tế chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu. Khoa Kinh tế bao gồm 4 ngành đào tạo: Kinh doanh quốc tế, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Bất động sản và Kinh tế quốc tế. Với tầm nhìn trở thành Khoa dẫn đầu của Trường UEF, là cái nôi đào tạo ra những công dân toàn cầu thành đạt và sẵn sàng cống hiến cho xã hội, Khoa Kinh tế luôn liên tục cải tiến về chương trình đào tạo và kiểm định chất lượng giáo dục; xây dựng đội ngũ giảng viên giàu chuyên môn và kinh nghiệm; đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, thường xuyên tổ chức các cuộc thi học thuật; tăng cường các hoạt động học tập trải nghiệm dành cho sinh viên thông qua các chuyến tham quan thực tế; xây dựng và phát triển mạng lưới kết nối doanh nghiệp nhằm gia tăng cơ hội việc làm cho sinh viên.

Khoa Kinh tế có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực khối ngành kinh tế chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập toàn cầu; xây dựng môi trường tự do học thuật và nghiên cứu giúp người học phát triển toàn diện, năng động và sáng tạo; phát triển năng lực làm việc thực tế, tinh chuyên nghiệp và tinh thần trách nhiệm với xã hội thông qua việc kết nối chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng.

Thực hiện sứ mạng đào tạo của Trường, Khoa Kinh tế luôn chú trọng đào tạo kết hợp giữa kiến thức và kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ; đảm bảo SV tốt nghiệp dễ dàng thích nghi trong môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp, không chỉ đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước mà còn có thể tự do di chuyển trong khu vực.

Trong quá trình đào tạo, Khoa Kinh tế không ngừng thực hiện công tác rà soát, cải tiến và hoàn thiện chương trình đào tạo các ngành thuộc Khoa và xem việc đảm bảo chất lượng giáo dục là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu nhằm phục vụ sinh viên được tốt hơn, trang bị cho sinh viên các kiến thức cập nhật, các kỹ năng nghiệp vụ thiết thực đáp ứng kỳ vọng của thị trường lao động. Theo đó, Chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế của Khoa Kinh tế đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ

GD&ĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo với 11 tiêu chuẩn, 50 tiêu chí.

Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, tiến hành nghiệm thu và lựa chọn các đề tài chất lượng để tham gia Giải thưởng Nghiên cứu Khoa học cấp Trường, Giải thưởng Khoa học và Công nghệ dành cho sinh viên cấp Bộ, Giải thưởng Euréka,... Nhiều sinh viên Khoa Kinh Tế đã đạt được giải thưởng cao tại các cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ và giải thưởng Euréka.

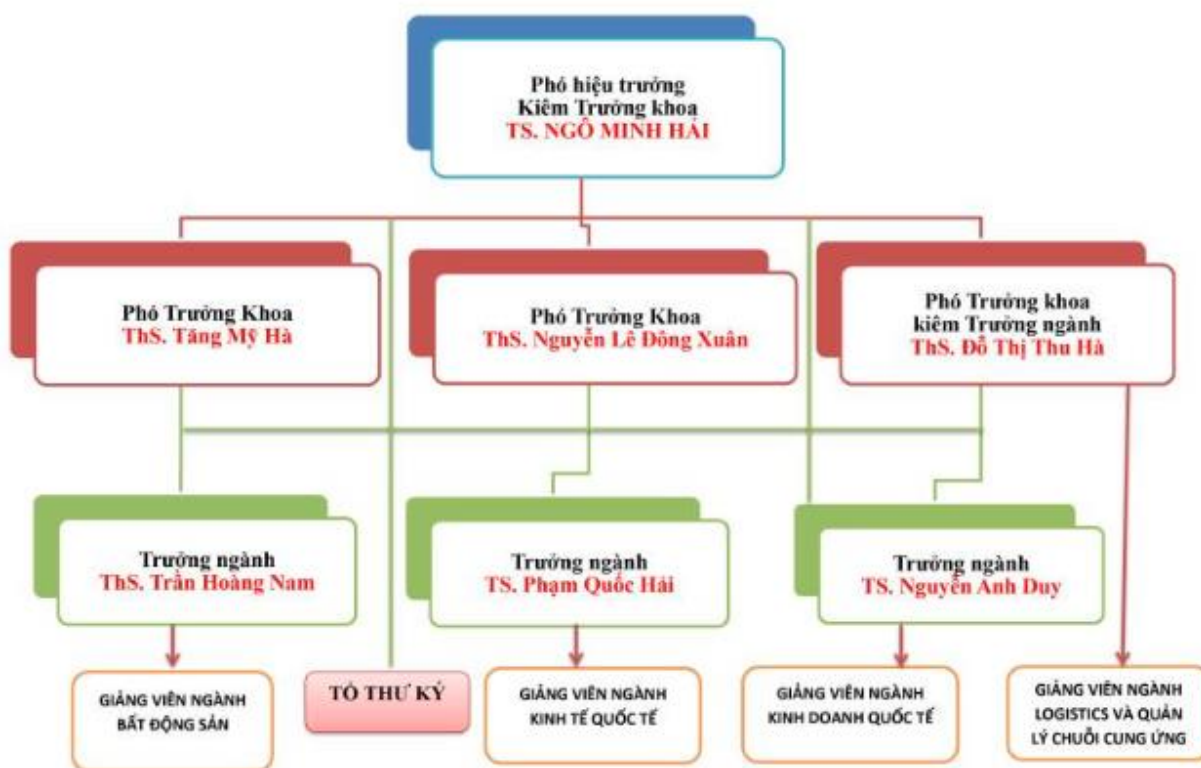
Đề cao các hoạt động học tập dựa trên trải nghiệm, hằng năm, Khoa Kinh tế thường xuyên tổ chức các sân chơi học thuật để tìm kiếm và ươm mầm cho các sinh viên tài năng như Cuộc thi Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo, Cuộc thi Logistics Talents, Cuộc thi International Business Competition, Cuộc thi Thử tài Kinh doanh Bất động sản và các hoạt động văn nghệ - thể thao... Tại Khoa Kinh tế, sinh viên có cơ hội phát triển theo hướng cá nhân hóa bản thân bằng việc tham gia vào các Câu Lạc Bộ, Đội nhóm như CLB Kinh doanh quốc tế (IBC), CLB Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (LSC), CLB Ý tưởng Kinh doanh (BIHub)...

Ngoài ra, sinh viên Khoa Kinh tế có cơ hội thực học, thực làm thông qua các chuyến tham quan tại nhà máy Ajinomoto, Công ty Yakult Việt Nam, tham quan Cảng Cát Lái, ICD Long Bình, ICD Tân Cảng Sóng Thần, ICD Transimex, tìm hiểu về hoạt động lưu trữ và bảo quản hàng hóa tại Kho Lạnh của công ty Lineage Logistics, tham quan tại Vinhomes Grand Park,... Hướng đến mục tiêu gia tăng cơ hội việc làm cho sinh viên ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, Khoa Kinh tế duy trì việc xây dựng và phát triển mạng lưới kết nối các doanh nghiệp thông qua hoạt động tuyển dụng sinh viên thực tập, định kỳ mời đại diện các doanh nghiệp giữ vai trò các cấp Lãnh đạo, Trưởng/Phó Phòng để chia sẻ với sinh viên các kiến thức về chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, xu hướng ngành học và kinh nghiệm chinh phục nhà tuyển dụng,... Khoa Kinh tế xây dựng mối quan hệ hợp tác tốt với các doanh nghiệp uy tín như Công ty TNHH Phát Triển Nguồn Nhân Lực Tân Cảng – STC, Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần, Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Lotte Việt Nam, Công ty Yakult Việt Nam, Công ty Cổ phần Bất động sản Golden Land...

2. Cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành Kinh tế số, trình độ đại học

Bộ máy tổ chức của Khoa Kinh tế gồm có: 01 Trưởng Khoa, 03 Phó Trưởng khoa, 03 trường ngành, 118 Giảng viên hữu và tổ thư ký

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC KHOA KINH TẾ - NĂM HỌC 2023-2024



IX. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO

1. Dự báo các rủi ro khi mở ngành và triển khai tuyển sinh

Ngành đào tạo Kinh tế số trình độ đại học được dự kiến mở trên cơ sở đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định, xác định nhu cầu thực tiễn của xã hội. Tuy nhiên, để có được cái nhìn toàn diện theo sự phát triển ngày càng nhanh của xã hội, một số rủi ro cần phải cân nhắc và có phương pháp ngăn ngừa và xử lý. Dưới đây là một số rủi ro khi mở ngành Kinh tế số, trình độ đại học và triển khai tuyển sinh:

- Người học bỏ học, trễ tiến độ do gặp khó khăn đột xuất về kinh tế nên không hoàn thành nghĩa vụ tài chính; người học lựa chọn ngành học chưa phù hợp nên khóa hoàn thành chương trình đào tạo, không đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; do quá bận công tác, hoặc do chưa nỗ lực trong học tập, nghiên cứu.
- Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác.
- Rủi ro về tuyển sinh: Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực;
- Rủi ro về bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

2. Giải pháp và phương án để ngăn ngừa và xử lý rủi ro

2.1. Người học bỏ học, trễ tiến độ

Vấn đề người học bỏ học, trễ tiến độ cũng gặp phải đối với tất cả các ngành đang đào tạo tại trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Giải pháp chung: Cần có chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy phù hợp với người học và hỗ trợ người học cụ thể, rõ ràng hiệu quả tạo sự tin tưởng, an tâm từ người học, bảo đảm đội ngũ giảng viên giỏi về chuyên môn và có phương pháp giảng dạy hiện đại, phù hợp để tạo sự hứng thú cho người học, Trường chú trọng xây dựng các chính sách, quy định về mặt quản lý thủ tục hành chính đơn giản, thuận tiện sẽ góp phần hạn chế, khắc phục việc người học bỏ học, học trễ tiến độ.

Các giải pháp cụ thể đã và đang được áp dụng:

Cố vấn học tập định hướng theo dõi tình hình học tập của người học, tạo nhiều kênh thông tin liên lạc để kịp thời phát hiện các nguyên nhân người học bỏ học, trễ tiến độ, kết hợp với lãnh đạo đơn vị và các phòng ban chức năng để có phương án hỗ trợ hợp lý.

Trung tâm hỗ trợ học vụ mỗi học kỳ sẽ có các thông kê tình trạng học tập, tình hình nợ học phí của người học gửi về các đơn vị đào tạo; trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo kịp thời thông tin, trao đổi với người học để tìm hiểu nguyên nhân, từ đó có phương án hỗ trợ.

Trường và các đơn vị đào tạo tổ chức các hội nghị về đào tạo và tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp chậm tiến độ để có các giải pháp điều chỉnh phù hợp.

- Với trường hợp người học gặp khó khăn đột xuất về tài chính: Trường và các đơn vị đào tạo xem xét từng trường hợp để linh động giải quyết; trường có các nguồn kinh phí dành riêng cho việc hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ đột xuất, các học bổng tài trợ để tháo gỡ một phần khó khăn về tài chính cho người học. Phương thức này được áp dụng trong thời gian qua đối với tất cả các ngành học của trường.

- Với trường hợp người học lựa chọn ngành học chưa phù hợp nên khó hoàn thành Chương trình đào tạo; Công tác tư vấn tuyển sinh cần được chú trọng để người học tiềm năng dự kiến và chọn lựa đúng ngành học phù hợp. Ngoài ra, quy chế học vụ của Trường cũng cho phép sinh viên được chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác.

- Với trường hợp không theo kịp tiến độ do quá bận công tác hay chưa nỗ lực học tập, nghiên cứu: Cố vấn học tập cần định hướng, nhắc nhở tiến trình học tập, hỗ trợ điều chỉnh kế hoạch học tập để người học có thể hoàn thành chương trình học ở mỗi học kỳ.

2.2. Sự biến động về đội ngũ giảng viên do thiếu lực lượng kế thừa khi giảng viên nghỉ hưu, chuyển công tác

- Nếu không đáp ứng đủ đội ngũ giảng viên có chuyên môn để bảo đảm chất lượng giảng dạy, hoạt động quản lý và nghiên cứu khoa học, thì ngành đào tạo sẽ không thể hoạt động hiệu quả.

- Phương án phòng ngừa: Trường có chính sách hỗ trợ và động viên phù hợp để giữ chân giảng viên; tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, phát triển nghiên cứu khoa học cũng là cách để cải thiện chất lượng giảng dạy. Đồng thời, có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cụ thể, có chính sách thu hút giảng viên để đảm bảo có đủ lực lượng kế thừa.

- Thực hiện chế độ đãi ngộ hợp lý kể cả đối với giảng viên, chuyên viên, chuyên gia nước ngoài thông qua chính sách lương, thưởng nhằm trọng dụng nhân tài và khuyến khích mọi thành viên phấn đấu, cống hiến cho sự phát triển của Trường.

- Xây dựng và ban hành các quy định, tiêu chuẩn, phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả công việc của CB-GV-NV để áp dụng chế độ ưu đãi, bồi dưỡng kế cận, bố trí hợp lý vào các chức danh quản lý trong trường.

- Xây dựng chiến lược, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể theo từng giai đoạn để đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ cho công tác đào tạo của Trường.

2.3. Sự cạnh tranh với các trường đào tạo khác, đặc biệt là các trường đào tạo trong khu vực

Sự gia tăng các cơ sở đào tạo đối với ngành Kinh tế số là điều tất yếu.

Phương án phòng ngừa:

- Bảo đảm chất lượng đào tạo và nâng cao uy tín của Trường Đại học để thu hút Giảng viên có trình độ cao và giúp sinh viên cảm thấy tin tưởng hơn về chất lượng đào tạo của Trường.

- Khảo sát định kỳ nhu cầu thực tiễn của người sử dụng lao động, chuyên gia để kịp thời điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo, giúp thị trường lao động ổn định, qua đó tạo sự cạnh tranh về chất lượng và thương hiệu đối với cơ sở đào tạo khác.

- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh: Công tác tuyên truyền và tư vấn tuyển sinh là quan trọng. Việc giới thiệu ngành đào tạo và tư vấn tuyển sinh được thực hiện liên tục thông qua nhiều kênh khác nhau từ cấp trường, khoa đến cấp bộ môn để bảo đảm việc tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả cao nhất nhằm duy trì việc đào tạo và phát triển ngành trong tương lai. Việc đẩy mạnh quảng bá thông tin tuyển sinh, điều chỉnh chính sách tuyển sinh, tiếp cận các trường Trung học phổ thông đặc biệt hệ thống mạng lưới các trường phổ thông về tỉnh vào những thời điểm quan trọng trước khi đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng của các đợt tuyển sinh

2.4. Rủi ro về bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo

Nếu ngành đào tạo Kinh tế số không đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với một số tiêu chuẩn như đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, thực tập, hoặc kết quả đào tạo, thì nhà trường có thể bị đình chỉ ngành đào tạo này.

Trong trường hợp này, một số phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, Trường và các bên liên quan, cụ thể như sau:

- Đối với giảng viên, trong trường hợp buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo, Trường cần có kế hoạch thông báo cho giảng viên có sự chủ động trong sắp xếp công việc, hoặc tạo điều kiện cho giảng viên có cơ hội tham gia các lớp đào tạo/ đào tạo lại các lĩnh vực chuyên môn gần để giảng viên có thể có sự chuyển đổi khi cần thiết.

- Đối với người học, Trường cần liên hệ với các cơ sở đào tạo có cùng mã ngành đào tạo ngành Kinh tế số để gửi người học tham gia tiếp quá trình học tập; rà soát các ngành cùng trình độ đang đào tạo tại Trường, lựa chọn các ngành cùng nhóm mà sinh viên đảm bảo đáp ứng đáp ứng đầu vào để tư vấn chuyên ngành cho người học hoặc chuyển trường cho người học theo nguyện vọng.

- Thực hiện các hành động khắc phục nguyên nhân bị đình chỉ trong thời gian sớm nhất để Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định cho phép hoạt động ngành đào tạo trở lại

X. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

Căn cứ vào năng lực của Nhà trường, căn cứ vào nhu cầu nguồn nhân lực đào tạo ngành Kinh tế số trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và xã hội, phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển Nhà trường với mong muốn đào tạo đội ngũ nhân lực chất lượng cao ngành Kinh tế số trình độ đại học có năng lực chuyên môn, có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng yêu cầu nền kinh tế mở hiện nay, được thị trường lao động và xã hội chấp nhận, góp phần cung cấp nguồn lao động chất lượng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo Kinh tế số, trình độ đại học.

Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đã đầu tư cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên chất lượng cao, có đủ năng lực đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về chất lượng đào tạo. Quy trình quản lý và tổ chức đào tạo của Nhà trường tuân thủ đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật Nhà nước. Hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ đại học Kinh tế số của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo đầy đủ và đáp ứng các điều kiện để được mở ngành theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT - BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Với những điều kiện thực tế đó, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh gửi hồ sơ Đề án mở ngành đào tạo Kinh tế số trình độ đại học tới Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường.

Sau khi Đề án được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường thông qua và có kết luận, Hiệu trưởng sẽ Quyết định cho phép mở ngành đào tạo Kinh tế số trình độ đại học, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cam kết triển khai thực hiện và đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng đào tạo như đã trình bày trong Đề án. Ngoài ra, Nhà trường sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên và không ngừng đầu tư cơ sở vật chất hiện đại phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, hợp tác với nhiều doanh nghiệp uy tín trong nước và quốc tế, tạo cơ hội việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Kính trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh thông qua đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Kinh tế số trong năm 2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- HĐKH&ĐT UEF (để báo cáo);
- Chủ tịch HĐT (để b/cáo);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo thực hiện);
- Công thông tin điện tử (để thông báo);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Giang